

N22

TẠP CHÍ



thủy sản

ISSN 0866 - 7101

**Kỉ niệm
ngày
truyền thống
ngành
thủy sản**



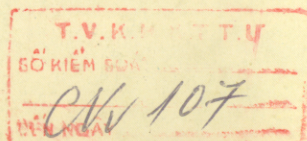
**TIẾN RA KHAI THÁC HẢI SẢN
VÙNG BIỂN KHƠI - MỘT ĐÒI HỎI
BỨC XÚC CỦA SỰ NGHIỆP
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ
ĐẤT NƯỚC**

*Những nguyên tắc
của sự phát triển bền vững
nuôi trồng thủy sản*

**2
1997**

CHỦ VUA : họ là ai ?

Nuôi vỗ và sinh sản nhân tạo cá ba sọc



TIẾN RA KHAI THÁC HẢI SẢN VÙNG BIỂN KHƠI

MỘT ĐÒI HỎI BỨC XÚC CỦA SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN TẤN DŨNG

Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Trưởng ban Kinh tế T.U

Thế giới ngày nay đang đứng trước một thực trạng tài nguyên trên đất liền ngày càng cạn kiệt, việc hướng ra biển, chinh phục đại dương nhằm giải quyết các nhu cầu không ngừng tăng lên của con người về thực phẩm, nguyên liệu, năng lượng, giao thông... đã trở thành mục tiêu chiến lược của nhiều quốc gia trên thế giới, và thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX này được coi là thập kỷ của chiến lược biển. Các nước thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi được xem là khu vực phát triển kinh tế năng động của thế giới, đều có chiến lược hướng mạnh ra biển.

Việt Nam là một nước có diện tích biển gấp ba lần lãnh thổ trên đất liền. Bờ biển dài, vùng thềm lục địa thuộc chủ quyền tài phán quốc gia rộng lớn có nhiều tài nguyên và lợi thế. Một trong những thế mạnh của kinh tế biển là kinh tế thủy, hải sản.

Đảng và Nhà nước ta luôn xem việc bảo vệ và khai thác vùng biển chủ quyền của mình là một nhiệm vụ chiến lược. Nghị quyết 03-NQ/TU của Bộ Chính trị (khóa VII) và Chỉ thị 171/TTg của Thủ tướng Chính phủ "Về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt" đã xác định rõ các quan

điểm, mục tiêu và biện pháp chủ yếu tương xứng với vị trí quan trọng của kinh tế biển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhưng nhìn lại việc tổ chức thực hiện và kết quả đạt được còn rất hạn chế. Riêng lĩnh vực khai thác hải sản tuy có tiến bộ so với trước nhưng chưa thay đổi được cục diện của yêu cầu mới hiện nay.

Số tàu thuyền có tăng lên, nhưng loại từ 45CV đến trên 100CV chỉ chiếm 37% trong tổng số (1996), trong đó loại trên 100CV chỉ chiếm 5%. Hoạt động đánh bắt hải sản

chủ yếu vẫn ở ven bờ và đã đến mức bão hòa, năng suất đánh bắt giảm sút, nguồn lợi hải sản ven bờ dần cạn kiệt. Số tàu thuyền có công suất lớn tăng chậm và khả năng độc lập đi khơi xa, bám biển dài ngày còn rất hạn chế. Khai thác nguồn lợi vùng khơi chưa tương xứng với tiềm năng, hầu hết vùng biển xa chưa có tàu cá của ta thường xuyên hoạt động, tạo khoảng trống tự do cho tàu thuyền nước ngoài vào khai thác trái phép.

Tuy đã cố gắng xây dựng được một số cơ sở hạ tầng, dịch vụ hải sản ven bờ và tuyến đảo, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, nhất là cho hoạt động của các tàu lớn đánh cá xa bờ.



Đ/c Nguyễn Tấn Dũng tại Hội nghị bàn biện pháp thực hiện kế hoạch năm 1997 của ngành thủy sản

Lao động vùng biển dồi dào nhưng chưa được chú trọng đào tạo ngành nghề đồng bộ cho các dịch vụ trên bờ và ra khơi đánh cá. Chưa có qui hoạch cụ thể trong việc bố trí dân cư trên các đảo và ven biển để tạo ra sự phân công lao động hợp lý phục vụ phát triển kinh tế biển kết hợp với bảo vệ an ninh quốc phòng. Việc quản lý nguồn lợi biển còn nhiều yếu kém, chưa ngăn chặn được tình trạng đánh bắt hải sản bằng các phương tiện hủy diệt. Tổ chức lực lượng và trang bị thông tin liên lạc cho việc đánh bắt, thăm dò, phòng cứu hộ... gắn với giữ gìn trật tự an toàn trên biển chưa tốt, chưa hạn chế được những thiệt hại lớn về người và tài sản của ngư dân do thiên tai, dịch họa gây ra...

TÌNH HÌNH TRÊN ĐÂY CÓ NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU LÀ:

- Thiếu sự quan tâm thường xuyên trong tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU của Bộ Chính trị (khóa VII) và Chỉ thị 171/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Từ khi ban hành đến nay đã hơn ba năm nhưng chưa sơ kết rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, uốn nắn, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển.

- Cơ chế chính sách nhiều mặt chưa phù hợp nhưng chậm được đổi mới. Yêu cầu tiến ra khơi để đánh bắt hải sản cần có nguồn vốn đầu tư rất lớn, trong khi vốn tích lũy của các doanh nghiệp và ngư dân còn ít, nhưng sự hỗ trợ của Nhà nước những năm qua còn ở mức thấp và rất phân tán (từ 1991-1995 vốn ngân sách cho lĩnh vực này chỉ chiếm 9,74% và vốn tín dụng chỉ chiếm 8,36% so với tổng số vốn đầu tư cho ngành thủy sản). Chính sách cho vay tín dụng để đóng mới tàu thuyền có công suất lớn đánh bắt xa bờ chưa phù hợp (lãi suất còn cao, thời hạn hoàn vốn ngắn, điều kiện thế chấp khó thực hiện được đối với đa số hộ ngư dân nghèo). Việc thực hiện miễn giảm các loại thuế (trước bạ, doanh thu, lợi tức, xuất khẩu...) theo Chỉ thị 171/TTg của Thủ tướng Chính phủ còn nhiều vướng mắc.

- Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu bức xúc của nghề khơi, chưa hoàn thành điều tra cơ bản nguồn lợi biển xa, chưa đủ cơ sở để xây dựng qui hoạch, kế hoạch phát triển. Chưa đưa ra được những giải pháp đóng mới, nâng cấp tàu thuyền có công suất lớn trong điều kiện nguồn tài nguyên gỗ

tốt đã cạn kiệt và giá ngày càng tăng cao.

Thực trạng trên đây vừa không khuyến khích các doanh nghiệp và ngư dân phát triển thêm tàu thuyền có công suất lớn, trang thiết bị hiện đại, vừa chưa hỗ trợ thiết thực cho số tàu thuyền hiện có tiến ra biển xa khai thác.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII đề ra cho toàn ngành thủy sản đến năm 2000 phần đầu đạt sản lượng 1,6 - 1,7 triệu tấn, trong đó sản lượng khai thác hải sản là 1 - 1,05 triệu tấn, riêng sản lượng đánh bắt vùng khơi là 400.000 tấn, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 1 - 1,1 tỉ USD.

Để đạt được các chỉ tiêu đó, cần quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết 03-NQ/TU của Bộ Chính trị (khóa VII) về lĩnh vực phát triển kinh tế hải sản. Trước hết phải đặt sự phát triển kinh tế hải sản nói chung và tiến mạnh ra khai thác vùng biển khơi là một yêu cầu cấp thiết, một hướng tiến công rất quan trọng cả trước mắt cũng như lâu dài trong chiến lược phát triển kinh tế biển đảo. Phải tạo mọi thuận lợi và tập trung huy động mọi nguồn vốn có thể huy động được để đầu tư cho lĩnh vực này, nhanh chóng tăng thêm phương tiện và mở rộng hoạt động đánh bắt vùng khơi, vừa khai thác có hiệu quả nguồn lợi to lớn của vùng biển xa, vừa khẳng định và nâng cao khả năng bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Nghề cá nước ta là nghề cá nhân dân. Tiến ra khai thác khơi xa nhất thiết phải có chủ trương, chính sách vĩ mô phù hợp, đủ sức thu hút và phát huy mạnh mẽ nguồn lực của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển vào lĩnh vực đặc thù này, phải thật sự bảo đảm thỏa đáng lợi ích của người lao động, của tập thể và lợi ích của quốc gia.

Các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp quân đội hoạt động trên lĩnh vực đánh bắt hải sản phải được tập trung đầu tư xây dựng để đủ sức liên kết, làm nòng cốt, hỗ trợ, hướng dẫn tàu thuyền của ngư dân các thành phần kinh tế khác cùng tiến ra khơi. Hoạt động đánh bắt hải sản ngoài khơi đòi hỏi các hình thức hợp tác đa dạng, phù hợp, cần đặc biệt quan tâm tổng kết thực tiễn, nhân rộng các mô hình hợp tác có hiệu quả để từng bước kinh tế nhà nước cùng hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác khác của ngư dân

thực sự làm nền tảng cho các hoạt động kinh tế hải sản.

Song song với việc phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước vào phát triển nghề khơi, phải có chính sách phù hợp để thu hút nguồn lực bên ngoài vào hợp tác đầu tư đóng mới tàu thuyền có công suất lớn, kĩ thuật cao, sản xuất ngư lưới cụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

TRƯỚC MẮT CÁN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO LÀM TỐT NHỮNG VẤN ĐỀ SAU ĐÂY:

1. Các cấp ủy Đảng và các ngành chức năng khẩn trương tiến hành sơ kết, kiểm điểm 3 năm việc thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TƯ của Bộ Chính trị (khóa VII) và Chỉ thị 171/TTg của Thủ tướng Chính phủ, đề ra chương trình, kế hoạch thiết thực nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII về phát triển kinh tế thủy, hải sản.

2. Phát triển mạnh ra khai thác biển xa bờ là quá trình cơ cấu lại lĩnh vực sản xuất hải sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, do đó phải khẩn trương hoàn thành công tác điều tra nguồn lợi biển, xây dựng chiến lược phát triển, qui hoạch, kế hoạch đồng bộ cả về ngành nghề đánh bắt, dịch vụ, công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ, đào tạo lao động, bố trí dân cư, bảo vệ môi trường sinh thái.... Tập trung nghiên cứu phương án thay thế gỗ để đóng mới tàu thuyền có công suất lớn, trang thiết bị hiện đại phù hợp với điều kiện nước ta. Tăng thêm đầu tư của Nhà nước, cùng với huy động sức dân để xây dựng mới và sớm hoàn thành đưa vào sử dụng các bến cá, cảng cá, khuyến khích đầu tư công nghệ mới và cải tạo, nâng cấp các nhà máy chế biến, các cơ sở dịch vụ, phấn đấu tăng tỉ lệ hàng hải sản xuất khẩu được chế biến với chất lượng cao.

3. Huy động và sử dụng tập trung có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn vốn khác, tăng thêm vốn vay không lãi để đầu tư các chương trình dự án khai thác vùng biển xa. Tìm thêm nguồn để tăng vốn tín dụng trung, dài hạn đầu tư cho đóng mới tàu thuyền có công suất lớn với lãi suất hỗ trợ và đổi mới hình thức cho vay, vừa tạo thuận lợi, vừa khuyến khích đúng đối tượng có tâm huyết và kinh nghiệm khai thác hải sản vùng biển khơi. Sớm nghiên cứu lập ngân hàng đầu tư phát

triển nghề cá. Thực hiện bán cổ phần một số doanh nghiệp nhà nước hoạt động trên lĩnh vực này (kể cả xí nghiệp dịch vụ trên bờ và tàu thuyền đánh bắt) để có thêm nguồn vốn đầu tư phát triển.

4. Có chính sách hỗ trợ đặc biệt về vốn, lãi suất, thuế... cho các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp của quân đội và của nhân dân đang có phương tiện đánh bắt xa bờ để các đơn vị này làm ăn có hiệu quả, phát triển nhanh lực lượng, hiện đại phương tiện, tiến ra vùng biển xa khai thác nhiều hơn, mạnh hơn. Sớm thông qua phương án miễn giảm ngay các loại thuế theo Chỉ thị 171/TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu sản phẩm từ đánh bắt xa bờ.

5. Tổ chức phối hợp và gắn kết các loại tàu thuyền của các lực lượng đang khai thác trên cùng vùng biển. Các đơn vị quốc doanh, các doanh nghiệp của quân đội không chỉ đảm nhận vai trò chủ lực về đánh bắt mà phải vươn lên bảo đảm tốt các dịch vụ chủ yếu cho khai thác biển khơi và phải là lực lượng nòng cốt bảo vệ, hỗ trợ cho nhau trong việc giữ gìn an ninh, quốc phòng trên biển, bảo vệ tài nguyên và chủ quyền đất nước.

6. Cần có các giải pháp tổ chức và trang bị phù hợp để tận dụng lực lượng khoa học kĩ thuật, thông tin bưu điện trong việc dự báo, phòng chống thiên tai, địch họa, cảnh báo, cứu hộ trên biển. Đầu tư thích đáng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lí, thuyền trưởng, cán bộ kĩ thuật tàu thuyền và ngư trường, nhất là đội ngũ kĩ thuật cho tàu đi khơi xa. Có chính sách bảo hiểm riêng cho nghề cá. Khuyến khích mở rộng Quĩ nhân đạo Nghề cá Việt Nam.

Vùng biển khơi thuộc chủ quyền của nước ta là nơi có nguồn lợi to lớn về hải sản, nơi mà tàu thuyền nước ngoài thường vào khai thác trái phép và cũng đang có những tham vọng phi lí. Việc tiến ra khai thác hải sản vùng biển xa bờ là đòi hỏi bức xúc có tính chiến lược, không chỉ để khai thác tài nguyên phát triển kinh tế, cải thiện đời sống ngư dân, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà còn là việc làm hết sức cần thiết để bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước. Mọi chủ trương chính sách đối với khai thác biển xa cần thể hiện sâu sắc yêu cầu này.

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU NGUỒN LỢI HẢI SẢN

◆ HOÀNG HÀ

Kinh tế thủy sản là một trong những chương trình và lĩnh vực phát triển đã được xác định tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và thông qua tại kì họp thứ 10 Quốc hội khóa IX, trong đó chú trọng phát triển kinh tế biển và hải đảo. Chương trình biển và hải đảo được xếp hàng đầu trong số 6 chương trình kinh tế - xã hội của ngành cần tiếp tục triển khai thực hiện trong năm tới với nội dung trước hết là tăng cường hoạt động điều tra nghiên cứu nguồn lợi, thực hiện chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp...*. Như vậy, các hoạt động điều tra nghiên cứu nguồn lợi hải sản được xem là cơ sở ban đầu cho việc thực hiện chương trình biển và hải đảo. Thông qua kết quả điều tra, sẽ đề xuất các biện pháp quản lí nguồn lợi nhằm bảo đảm phát triển lâu bền nghề cá, bảo vệ môi trường và sự đa dạng sinh học. Cũng qua đó để xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển và quản lí sản xuất nghề cá.

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU NGUỒN LỢI HẢI SẢN

Ngay từ đầu thế kỉ XX, các nhà khoa học nước ngoài đã tiến hành tìm hiểu khu hệ cá ở Đông Dương và đã mô tả nhiều loài cá tại các vùng ở vịnh Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và vịnh Thái Lan. Có thể kể đến các công trình của Pellegrin (1905), Gruvel (1925), Chabanaud (1926). Tàu nghiên cứu có trang bị lưới kéo đáy De Lanessan đã thực hiện nhiều chuyến biển trong các năm 1925 - 1929 và tiếp đến năm 1940, thu được kết quả đáng kể. Viện hải dương Đông Dương thành lập vào đầu những năm 20 tại Nha Trang là một mốc được ghi nhận trong lịch sử nghiên cứu cá biển ở nước ta. Báo cáo của Viện vào năm 1925 - 1926 cho biết đã tiến hành đánh cá vào tất cả các giai đoạn trong năm ở vùng ven biển Đông Dương, bắt đầu trong vịnh Bắc Bộ từ năm 1925

cho đến cửa vịnh Thái Lan. Từ năm 1927, Nhật Bản đưa tàu lưới kéo đáy đến vịnh Bắc Bộ thử nghiệm đánh cá với số lượng tàu tăng dần tới 20 chiếc vào năm 1937. Đài Loan cũng đã đưa tàu vào nghiên cứu biển phía bắc Việt Nam vào các năm 1935 - 1936. Qua đó thấy rằng các hoạt động nghiên cứu nguồn lợi hải sản do các tàu nước ngoài tiến hành tại vùng biển Việt Nam khá nhiều cho đến khi chiến tranh thế giới lần II bùng nổ.

Sau một thời kì gián đoạn, việc nghiên cứu nguồn lợi hải sản ở vịnh Bắc Bộ lại được nối tiếp bằng sự hợp tác với Trung Quốc sử dụng tàu nghiên cứu Hải Điều có trang bị lưới kéo đáy trong các năm 1959 - 1961. Đồng thời, cũng hợp tác với Liên Xô (cũ) tiến hành các chuyến nghiên cứu vịnh Bắc Bộ và vùng biển lân cận trên các tàu có trang bị lưới kéo đáy, tàu đánh cá nổi bằng nghề câu vàng, tàu đánh lưới vây. Các tài liệu khoa học thu được trong thời kì này tương đối đầy đủ hơn, giúp chúng ta nắm được khả năng nguồn lợi và những qui luật cơ bản của chúng trong vùng. Các tổ chức nghiên cứu nghề cá biển và hải dương của nước ta cũng được thành lập vào thời gian này: Trạm nghiên cứu cá biển - nay là Viện nghiên cứu hải sản (1961) và Trạm nghiên cứu biển - nay là Viện nghiên cứu biển (1962).

Với sự tài trợ của UNDP/FAO, chương trình nghiên cứu ngư nghiệp miền duyên hải ở phía Nam đã được thực hiện từ 1961 đến 1971 với nhiều tàu trang bị lưới kéo tầng giữa, tầng đáy và câu vàng. Viện khảo cứu ngư nghiệp cũng được ra đời và hoạt động tới năm 1975 (sau này, đây là cơ sở của Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II).

Sau khi thống nhất đất nước, với tàu Biển Đông - tàu nghiên cứu nghề cá tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á vào thời điểm đó - Viện nghiên cứu hải sản đã thực hiện 24 chuyến biển trong 3 năm để nghiên cứu nguồn lợi cá vùng ven bờ, thu được nhiều tài liệu, cung cấp những hiểu biết cơ bản về nguồn lợi vùng ven bờ. Ngoài ra, nằm trong chương trình nghiên cứu hỗn hợp Việt Nam - Liên Xô (cũ), từ 1979 đến 1985 - sau đó được bổ sung đến 1987 - chúng ta đã tiến hành 33 chuyến nghiên

* *Tạ Quang Ngọc*. Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của ngành, *Tạp chí Thủy sản* số 1/1997.

cứu biển trên các tàu từ 800 đến 3.880CV với đủ loại công cụ khai thác, thu về một khối lượng lớn mẫu vật và tài liệu mà cho đến nay vẫn chưa được phân tích và xử lý đầy đủ !

Điểm qua tình hình nghiên cứu nguồn lợi hải sản như vậy để thấy rằng việc điều tra nguồn lợi cá biển ở nước ta đã được tiến hành từ rất lâu, có những thời kì được tập trung vào vùng trọng điểm. Nhiều kết quả nghiên cứu đã lần lượt được công bố trên các sách, tạp chí, được trình bày tại các hội nghị khoa học tổ chức ở trong và ngoài nước, từng đem lại những học vị cao trong khoa học như giáo sư, tiến sĩ, viện sĩ... cho những người đã dành tâm, trí và lực hàng chục năm miệt mài cho một công việc đầy khó khăn vất vả.

VẪN CÒN NHỮNG ĐIỀU ĐỂ NÓI

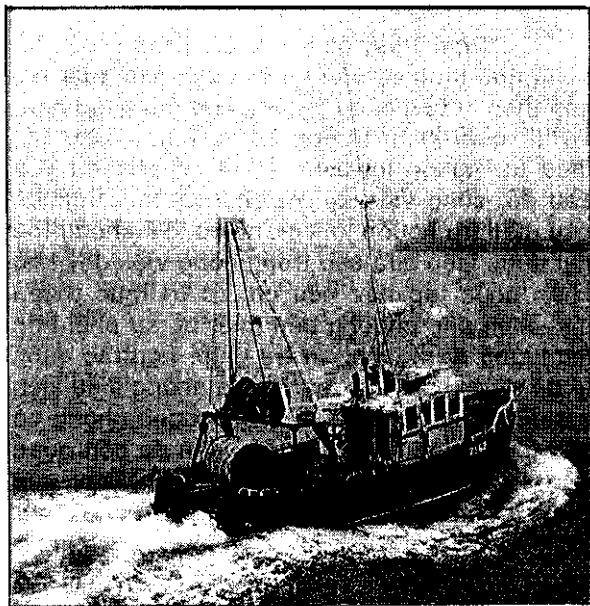
Mặc dù vậy, cho đến nay, việc điều tra nguồn lợi hải sản vẫn tiếp tục được đặt ra, thậm chí còn đòi hỏi phải tăng cường hoạt động trong khi đã có chiều dài lịch sử nghiên cứu gần trọn một thế kỉ và ai cũng biết rằng muốn thực hiện phải cần đến những khoản kinh phí hết sức lớn. Chỉ riêng chi phí thuê tàu đánh cá thăm dò cũng mất dứt hàng trăm triệu đồng cho một chuyến biển, trong khi thiếu vốn vẫn còn là căn bệnh trầm kha, nguồn vốn Nhà nước cấp không đáp ứng đủ và kịp thời cho nhu cầu. Phải chăng công tác này còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng với yêu cầu của thời kì phát triển mới ? Thủ tướng Chính phủ - trong Chỉ thị số 171 TTg ngày 18/3/1995 về các công việc cần triển khai sau Hội nghị phát triển kinh tế biển - cũng nhận định: "... nghiên cứu điều tra các nguồn lợi thủy sản là mặt yếu hiện nay" và "cần dành ưu tiên cho công tác này". Vậy thì, công tác điều tra các nguồn lợi thủy sản - và nói riêng là nguồn lợi hải sản - còn những điều gì đáng nói ?

Như đã nêu ở phần trên, những nghiên cứu nghề cá ở vùng biển nước ta đã có khá nhiều. Nhưng nhìn chung, chúng mới được tiến hành chủ yếu ở vùng ven bờ với các loài cá nhỏ là đối tượng khai thác truyền thống, giá trị thấp và với các loài cá ít di cư. Vùng xa bờ, ven đảo và với các loài cá di cư còn thiếu điều kiện tổ chức thực hiện việc điều tra khảo sát. Các nghiên cứu dàn trải, mang tính tổng quan, chưa đi sâu và kết luận rõ về các khu vực, bãi cá trọng điểm, các loài hải sản có giá trị cao trên thị trường, ít gắn chặt với việc xác định công nghệ khai thác phù hợp nhằm hạn chế

tác động xấu của các hoạt động đánh bắt đến biến động nguồn lợi, suy thoái môi trường và các hệ sinh thái, bảo vệ sự đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về nguồn lợi và môi trường thường không đồng bộ với các vấn đề kinh tế xã hội, chưa quan tâm xây dựng cơ sở khoa học (cần cứ trên những đặc điểm nguồn lợi, xu hướng biến động, điều kiện kinh tế xã hội của từng vùng) cho việc hoạch định các chính sách quản lí phát triển nghề cá, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp phù hợp với khả năng nguồn lợi.

Đã có nhiều con số cảnh báo về sự suy giảm nghiêm trọng nguồn lợi hải sản tại các vùng nước ven bờ. Xin trích dẫn từ kết quả nghiên cứu của đề tài KN04-Q2: mật độ tôm ở bãi Mĩ Miếu (vịnh Bắc Bộ) năm 1993 bằng 45% so với con số điều tra năm 1975; trữ lượng cá tại vùng biển phía tây Minh Hải năm 1994 giảm hơn 80% so với thời kì 1979 - 1983, trữ lượng tôm còn 40% so với thời kì 1982 - 1985; trữ lượng cá tại vùng biển Kiên Giang năm 1994 giảm tới 85% so với năm 1979 - 1983, chất lượng tôm khai thác ngày càng kém*. Có tình trạng này hiển nhiên là do các hoạt động khai thác đã vượt quá mức cho phép, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc duy trì nguồn lợi

* Phạm Thuộc và Ctv: Nghiên cứu xác định khu vực cấm và hạn chế đánh bắt để bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Báo cáo kết quả đề tài KN04-02, tháng 10/1995.



tại các khu vực kể trên, do chỉ quan tâm thuần túy đến lợi nhuận trước mắt mà không chú ý đến bảo toàn tài nguyên thiên nhiên vốn có, do không tính đến sự phù hợp với qui luật tự nhiên và các điều kiện kinh tế xã hội khác. Cũng có những nguyên nhân về phía quản lí và chính sách với nghề cá. Và cả những nguyên nhân nằm ngay trong bản thân của công tác điều tra nguồn lợi hải sản mà chúng tôi đã đề cập đến.

Giữ mức khai thác hải sản ở vùng ven bờ khoảng 700.000 tấn/năm, đồng thời mở rộng vùng đánh bắt ra xa bờ để sử dụng hợp lí tài nguyên sinh vật biển, góp phần phát triển bền vững ngành thủy sản trong những năm tới có mối liên quan chặt chẽ với kết quả điều tra đánh giá nguồn lợi hải sản cả ở vùng ven bờ, vùng xa bờ và tuyến đảo.

Điều đó đòi hỏi phải tiếp tục có những dự án điều tra cơ bản nguồn lợi hải sản ở các vùng trọng điểm để nắm vững trữ lượng nguồn lợi, khả năng khai thác, qui luật biến động nguồn lợi và môi trường ảnh hưởng đến nguồn lợi. Qua đó mà xác định công nghệ khai thác cũng như biện pháp sử dụng và quản lí nguồn lợi, qui hoạch và lập kế hoạch phát triển, duy trì được các hệ sinh thái, bảo vệ môi trường và sự đa dạng sinh học, làm cơ sở vững chắc để hoạch định các chính sách thích hợp, phục vụ mục tiêu chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, phát triển kinh tế xã hội nghề cá theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

* * *

"Phát triển mạnh ra khai thác biển xa bờ là quá trình cơ cấu lại lĩnh vực sản xuất hải sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, do đó phải khẩn trương hoàn thành công tác điều tra nguồn lợi biển...". Xuất phát từ yêu cầu đó, công việc đặt ra cho các nhà nghiên cứu điều tra nguồn lợi còn nhiều. Sẽ không thể đạt được hiệu quả cao trong công việc đầy khó khăn phức tạp này nếu chỉ có tri thức thuần túy. Kinh phí, phương tiện thiết bị, sự phối hợp lực lượng đa ngành, sự trợ giúp, hợp tác quốc tế để tăng thêm sức mạnh... là những điều kiện cốt yếu giúp các nhà điều tra nhanh chóng có câu trả lời xác đáng cho các vấn đề liên quan đến sự phát triển bền vững ngành thủy sản trong tương lai •

* Nguyễn Tấn Dũng: Tiến ra khai thác hải sản vùng biển khơi - một đòi hỏi bức xúc của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Báo Nhân Dân số ra ngày 27/2/1997.

CÔNG TI ĐỒ HỘP HẠ LONG

phân đấu thực hiện lời Bác dạy

◆ HẠ LONG



*Đ/c Lê Đình Liêm, Giám đốc Công ti
nhận cờ truyền thống*

Năm 1997, Công ti đồ hộp Hạ Long - tiền thân là Nhà máy cá hộp Hạ Long vừa tròn 40 tuổi. Trong quá trình xây dựng, trưởng thành, một sự kiện quan trọng, cách đây 38 năm, ngày 1/4/1959, Công ti vô cùng sung sướng được đón Bác Hồ về thăm, Bác hỏi chuyện tỉ mỉ cung cách làm ăn và dặn dò nhiệm vụ. Bác mong Công ti thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và xuất khẩu làm giàu cho Tổ quốc.

Từ đó đến nay vừa tròn 38 năm, trong đó có gần 10 năm vừa sản xuất vừa chiến đấu. Máy bay giặc Mỹ đã 2 lần đánh bom tàn phá nhà xưởng, máy móc, 2 lần Công ti phải phân

tán, sơ tán. Dù phải phân tán, sơ tán, Công ti vẫn bảo đảm sản xuất, đặc biệt sản xuất đồ hộp phục vụ cho quân đội và các sản phẩm đóng hộp xuất khẩu khác.

Đi đôi với việc phân tán, sơ tán duy trì sản xuất, Công ti quan tâm xây dựng lực lượng tự vệ vững mạnh, lực lượng tự vệ này đã vừa sản xuất vừa chiến đấu, hiệp đồng cùng quân và dân Hải Phòng đánh máy bay Mĩ hàng trăm trận. Đại đội tự vệ của Công ti - đa phần là nữ - trong thời gian này đã giữ vững danh hiệu *quyết thắng* nhiều năm liền. Hiện nay lực lượng tự vệ vẫn là nòng cốt trong sản xuất.

Từ chỗ cơ sở của Công ti nhỏ bé khi mới thành lập, đến nay đã phát triển thành đơn vị sản xuất đồ hộp hàng đầu của Việt Nam với 5 xưởng sản xuất chính; 3 ngành: hơi, điện, nước; 1 đội xe ô tô và các bộ phận phục vụ khác; có 4 chi nhánh tại Hà Nội, tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Quảng Ninh; 2 tổng đại lí tại Lạng Sơn và Vũng Tàu, gần 20 cửa hàng bán giới thiệu sản phẩm; 1 xí nghiệp liên doanh sản xuất đồ hộp tại tp. Hồ Chí Minh.

Để mỗi năm có 3000-5000 tấn nguyên liệu ổn định, Công ti đã mở rộng liên doanh, liên kết với nhiều đơn vị trong ngành.

Từ chỗ sản phẩm đóng hộp từ 2300 hộp/ngày, nay đã đưa lên 100.000 hộp/ngày, tăng 4 lần công suất thiết kế.

Với phương châm lấy chất lượng làm đầu, mặc dù còn nhiều khó khăn, trong những năm gần đây với cơ chế mở Công ti đã mạnh dạn hoàn chỉnh các dây chuyền công nghệ bảo đảm tự động hóa đạt trên 90% công đoạn trong sản xuất, đầu tư trên 1 triệu USD mua máy chế biến agar - agar, mua máy ghép vỏ hộp tự động gần 1 triệu USD, máy in phun kí hiệu sản phẩm, máy dán nhãn mác và tự chế tạo nhiều máy móc thiết bị như máy sản xuất dầu gan cá viên với công suất 300 triệu viên/năm, máy cắt khúc cá để đóng hộp, máy rửa hộp, máy nhồi xúc xích, máy bơm dầu thực vật vào hộp, băng chuyển xử lí cá... Về nhà xưởng đã cải tạo lại xưởng sản xuất chính, mở rộng khu vực sản xuất hàng nội địa.

Ngoài việc lấy cá hộp làm mặt hàng mũi nhọn, Công ti đã đa dạng hóa sản phẩm, đóng hộp cả các loại gia cầm, gia súc, tôm; nhiều sản phẩm đông lạnh, chả cá rán, dầu viên cá, bột cá chần nuôi, agar-agar và các sản phẩm đặc sản, nâng tổng số vài ba mặt hàng lúc Bác Hồ về thăm nay lên 40 mặt hàng.

Với sự lao động cần cù của CBCNV

Công ti, kết quả đưa lại thật xứng đáng, nhiều sản phẩm của Công ti tham gia hội chợ triển lãm được thưởng huy chương và bằng khen về chất lượng sản phẩm, chỉ tính từ 1991-1996 đã có 12 sản phẩm được xét tặng huy chương các loại và 6 sản phẩm được tặng bằng khen. Sản xuất kinh doanh của Công ti không ngừng phát triển, năm 1996 so với 1992 giá trị tổng sản lượng tăng 388,5%, sản phẩm đồ hộp tăng 826,8%, sản phẩm đông lạnh tăng 138,6%, chả cá rán tăng 600%, viên dầu gan cá tăng 116%, bột cá chần nuôi tăng 218,6%, nộm ngân sách tăng 3.814,7%, lợi nhuận tăng 73.529%, thu nhập người lao động tăng 326,3%... các sản phẩm của Công ti đã chiếm lĩnh được thị trường trong nước và có mặt ở nhiều nước trên thế giới như Li Bì, Đức, Pháp, Xiôvakia, Trung Quốc....

Đảng bộ Công ti luôn giữ vững vai trò lãnh đạo của mình, đặc biệt từ 1977 - 1996, Đảng bộ liên tục hàng năm được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, không có đảng viên và chi bộ yếu kém. 5 năm qua kết nạp được 20 đảng viên mới, trẻ để bổ sung cho Đảng bộ. Nhiều cán bộ trẻ là đảng viên đã phát huy tốt trách nhiệm của mình, đoàn kết nội bộ tốt, lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các tổ chức quần chúng phát huy được sức mạnh của mình.

Các hoạt động xã hội từ thiện Công ti cũng có nhiều đóng góp như nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, mẹ liệt sĩ, ủng hộ Cu Ba, đồng bào bị lũ lụt, ủng hộ các chiến sĩ Trường Sa...

40 năm qua CBCNV Công ti đồ hộp Hạ Long vinh dự được nhận nhiều phần thưởng cao quý: 1 láng hoa của Chủ tịch nước; 5 huân chương Lao động các hạng: nhất, nhì, ba; 4 cờ Đơn vị thi đua xuất sắc của Bộ Thủy sản, 1 cờ thi đua của Công đoàn Thủy sản Việt Nam và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Thủy sản, của Công đoàn Thủy sản Việt Nam, 3 bằng Lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

Bằng lao động sáng tạo qua 40 năm xây dựng và phát triển, thực hiện lời căn dặn của Bác cách đây 38 năm khi Người về thăm đơn vị, CBCNV Công ti đồ hộp Hạ Long đã tự khẳng định được mình, đi lên bằng sự cố gắng quyết tâm cao, đoàn kết nhất trí, kết hợp với giáo dục, động viên, tất cả mọi người đã hoàn thành nhiệm vụ được giao năm sau cao hơn năm trước.

Nuôi vỗ và sinh sản nhân tạo cá ba sa

KS. NGUYỄN TUÂN*

Cá ba sa *Pangasius bocourti* Sauvage thuộc họ Pangasiidae, là loài có giá trị kinh tế cao.

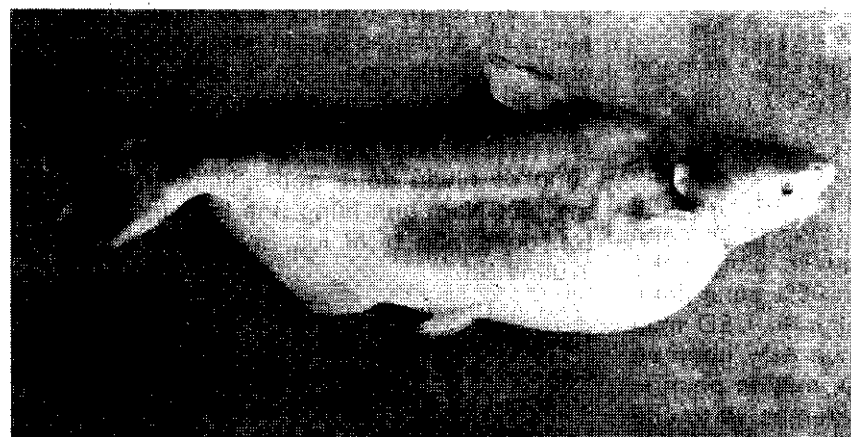
nhien, khi đến mùa sinh sản, cá di cư ngược dòng đến bãi đẻ ở vùng thượng nguồn. Cá bột sau khi nở trôi theo dòng

tuyến sinh dục của cá, cho đẻ nhân tạo và ương nuôi cá giống. Các nghiên cứu được tiến hành tại Trung tâm nghiên cứu thủy sản đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trong ao nuôi vỗ có diện tích 1.600m², độ sâu 1 - 1,5m. Số cá bố mẹ là 40 con. Định kì kiểm tra sự thành thực của cá bố mẹ bằng quan sát hình thái bên ngoài, kết hợp lấy trứng bằng que thăm trứng hoặc mổ lấy buồng trứng, cố định bằng Bouin, làm tiêu bản nhuộm Hematoxylin và Eosin.

Dưới đây là kết quả nghiên cứu của chúng tôi.

1. Chế độ nuôi vỗ

Nuôi vỗ cá bố mẹ bắt đầu từ tháng 9, kéo dài 5-6 tháng. Thức ăn nuôi vỗ gồm các thành phần: bột cá, cám



Nuôi cá ba sa với mật độ dày trong bè là mô hình nuôi cá công nghiệp cho năng suất và sản lượng cao, là nghề lâu đời của ngư dân ven hai bờ sông Cửu Long vùng Châu Đốc (An Giang) và Hồng Ngự (Đồng Tháp).

Cá ba sa không đẻ được trong ao. Ngoài tự

nước. Hiện nay, nhu cầu giống hàng năm khoảng 20 triệu con và hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên nên gây ra không ít khó khăn cho nghề nuôi cá bè.

Do vậy, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu nuôi vỗ cá basa thành thực trong ao, theo dõi quá trình phát triển

* Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II

gao, bột mì và vitamin E, có hàm lượng protein 30-45%.

Có 2 thời kì nuôi vỗ:

- Thời kì đầu: Từ tháng 9 đến tháng 1 năm sau. Khẩu phần ăn là 4% khối lượng cá. Đây là thời kì tích lũy chất dinh dưỡng, thức ăn phải bảo đảm đủ chất lượng và số lượng. Lúc này khối lượng gan gia tăng đáng kể để dự trữ chất dinh dưỡng.

- Thời kì sau: Từ tháng 2 trở đi, khẩu phần ăn giảm còn 2% khối lượng cá. Đây là thời kì chuyển hóa chất dinh dưỡng từ gan và các mô dự trữ nhằm phát triển tuyến sinh dục.

2. Sự phát triển tuyến sinh dục của cá ba sa nuôi vỗ trong ao

Giai đoạn I: Tuyến sinh dục có dạng sợi nằm sát cột sống, chưa phân biệt được đực cái.

Giai đoạn II: Buồng trứng có hình dải, bề ngoài có mạch máu lờ mờ màu trắng hơi trong. Nhìn qua kính lúp tế bào trứng nhỏ li ti. Dưới kính hiển vi thấy trong tế bào chất có chứa giọt dầu.

Giai đoạn III: Tế bào trứng tăng đáng kể kích thước, dễ dàng nhìn thấy bằng mắt thường, có nhiều mạch máu cung cấp chất dinh dưỡng. Noãn hoàng được tích lũy, bắt đầu ở vùng biên, cùng lúc với sự xuất hiện các không bào nhỏ. Estrogen bắt đầu tích lũy trong tế bào follicule. Đường kính trứng 1,2-1,5mm.

Giai đoạn IV: Trứng có đường kính lớn nhất, đạt 1,9-2,1mm. Quá trình sinh trưởng dinh dưỡng kết thúc,

mạch máu dần biến mất. Tế bào trứng căng tròn, rời, màng trứng mỏng, tế bào chất chứa đầy noãn hoàng, có độ trong nhất định, có thể nhìn thấy nhân nằm ở giữa (IVa), nhân dần dần di chuyển về cực động vật (IVc).

Giai đoạn V: Buồng trứng trương phình, mềm, tế bào trứng chuyển trong. Nếu vuốt nhẹ ở vùng bụng trứng sẽ dễ dàng chảy ra thành dòng. Sau khi vuốt, nếu trứng tiếp xúc với nước, màng trứng hoạt hóa tạo thành màng keo xuất hiện tính dính bám vào vật bám.

Giai đoạn VI: Sau khi rụng trứng, buồng trứng xếp lại, nhão, màu đỏ bầm do xuất huyết, trong buồng trứng vẫn còn sót một số trứng chưa rụng. Số trứng còn lại thoái hóa dần, sau đó trở về giai đoạn II.

3. Tuổi thành thực

Năm 1989, đàn cá được tập kết từ cá thịt nuôi trong bè, có tuổi 2⁺. Đến năm 1992, cá thành thực lần đầu. Cá đực có tinh màu trắng đục, cá cái có hệ số thành thực 5,2%, tế bào trứng có kích thước lớn. Cá cái có phản ứng với kích dục tố và đã gây rụng trứng. Như vậy có thể kết luận tuổi thành thực của cá là 5⁺.

4. Mùa vụ sinh sản

Kết quả khảo sát sự thành thực của cá basa nuôi vỗ trong ao qua nhiều năm cho thấy: sự chuyển giai đoạn thành thực từ II lên III xảy ra vào giữa tháng 2, đến giữa tháng 3 chuyển lên giai đoạn IV. Số lượng các thể hệ trứng già nhất trong buồng trứng tập trung vào tháng 4, lúc này cá

có hệ số thành thực cao nhất trong năm.

Kết quả quan sát sự phát triển tuyến sinh dục của cá nuôi vỗ trong ao và bè cho thấy mùa vụ sinh sản của cá ba sa kéo dài từ tháng 3 đến tháng 7.

5. Sinh sản nhân tạo

Cá bố mẹ được chọn để kích thích sinh sản là cá khỏe mạnh, không bị thương tích hay dị tật. Việc chọn cá cái phức tạp hơn cá đực, đòi hỏi người làm công tác tuyển chọn phải có kinh nghiệm và khả năng quan sát tinh tế. Chọn cá cái có trứng đều, màu vàng nhạt, đường kính trứng từ 1,9 đến 2,1mm, nhân chuyển cực.

Dùng não thùy hoặc HCG để kích thích sinh sản đều mang lại kết quả, với liều lượng như sau:

- Liều sơ bộ : 500 UI HCG hoặc 0,5mg não/kg cá cái.

- Liều quyết định: 2.000- 3.000 UI HCG/kg cá cái.

Thời gian hiệu ứng 6-12 giờ. Trứng sau khi thụ tinh được rải bám trên khung lưới. Ở nhiệt độ 28-29°C, sau 33 giờ trứng nở. Sau khi nở ba ngày, cá bột bắt đầu ăn thức ăn là động vật phù du như Artemia, Moina...

Cá ba sa có hệ số thành thực và sức sinh sản thấp (khoảng 30.000 trứng/cá cái). Ngược lại, tỉ lệ thụ tinh, tỉ lệ nở và tỉ lệ sống của cá bột rất cao, trên 90%.

Cá con tăng trưởng nhanh, đạt 4-6cm sau 1 tháng nuôi và 12-15cm sau 2 tháng nuôi.

TÁC ĐỘNG CỦA COLCHICINE VÀ TIA LASER

đến quá trình sinh lí sinh hóa của *Gracilaria tenuistipitata* Liu

Pgs. Pts. TRƯƠNG VĂN LUNG

Thạc sĩ PHẠM VINH*

Một trong những con đường cải tạo giống để nâng cao năng suất, phẩm chất và tính chống chịu của cây trồng là gây đột biến tạo dòng đa bội thể bằng phương pháp hóa học và phương pháp vật lí học.

Chúng tôi đã thăm dò tác động của colchicine và tia laser đến một số chỉ tiêu sinh lí sinh hóa của rong câu *Gracilaria tenuistipitata* Liu. là loài được nuôi trồng ở đầm phá tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Phương pháp thí nghiệm

Sau khi thu rong câu về, loại sạch rong tạp và rong già, để trong 3 ngày cho ổn định sinh trưởng.

Dùng colchicine tác động vào rong với nồng độ 0,05; 0,10; 0,15; 0,20% trong 24, 30, 36, 42 và 48 giờ. Đưa rong ra trồng ở bocal với mật độ 1,5g/lít, độ mặn 18-20‰, nhiệt độ và ánh sáng tự nhiên.

Dùng tia laser He-Ne cường độ 100 lux tác động vào rong trong thời gian 5; 10; 15; 20; 25 và 30 phút. Sau đó đem rong ra trồng ở bocal với mật độ 3g/lít, độ mặn, nhiệt độ, ánh sáng như ở thí nghiệm trên.

Theo dõi sinh trưởng của rong (chiều dài và đường kính thân, sự phân nhánh) bằng phương pháp đánh dấu 10-30 cây. Cách 10 ngày đo

đếm một lần.

Quan sát tế bào bằng kính hiển vi có độ phóng đại 450-1.500 lần.

Đo cường độ quang hợp bằng phương pháp Wilkner.

Xác định trọng lượng khô, trọng lượng tươi bằng phương pháp cân.

Đo cường độ ánh sáng bằng photometre nhiễu xạ.

Đo độ mặn bằng acrometre kiểu ATAGO.

Đo hàm lượng và sức đông agar-agar bằng phương pháp trọng lượng.

Kết quả thí nghiệm

1. Tác động của colchicine: Sau 24 giờ ngâm trong colchicine, rong không thay đổi ở các nồng độ thí nghiệm. Bắt đầu từ giờ thứ 30, nhất là từ 36 đến 48 giờ, ở các nồng độ cao (0,15 và 0,2%) chỉ cần sau 10 giờ nuôi, rong không phát triển thêm chiều dài. Ở các nồng độ khác, các chỉ tiêu sinh trưởng lúc đầu có giảm đi so với đối chứng, sau đó tăng lên vượt hơn đối chứng sau ngày nuôi thứ 30, đặc biệt ở nồng độ 0,1%. Ở nồng độ cao, mặc dù chiều dài không tăng nhưng sự phân nhánh cấp 1, cấp 2 tăng lên. Ở nồng độ 0,2%, ngâm trong 42 giờ, sau 60 ngày nuôi, chiều dài thân

rong đạt 225%, phân nhánh cấp 1 đạt 156,76%, phân nhánh cấp 2 đạt 323,68%, trọng lượng tươi đạt 104,75%, trọng lượng khô đạt 110,64%, cường độ quang hợp đạt 177,25% hàm lượng agar-agar đạt 146,9% so với đối chứng. Các chỉ tiêu sinh lí và hàm lượng agar-agar của rong ở công thức thí nghiệm này đều lớn hơn so với các công thức thí nghiệm khác.

Về số lượng và kích thước tế bào ở các công thức thí nghiệm thay đổi không đáng kể so với đối chứng.

Như vậy, trong giai đoạn đầu tác động, colchicine đã làm rối loạn quá trình sinh lí của rong. Sau một thời gian nuôi, rong phục hồi các chức năng sinh lí, hoạt động của rong tăng lên.

Do chưa có điều kiện nghiên cứu nhiễm sắc thể nên chưa biết được chúng có đa bội hóa để làm cho sức sống tăng lên, dẫn đến năng suất và phẩm chất tăng lên không? Nhưng có điều rõ ràng là tác động của colchicine ở nồng độ 0,2%, ngâm rong trong 42 giờ đã làm thay đổi đáng kể quá trình sống của rong, do đó năng suất rong tăng lên và hàm lượng agar-agar cũng tăng theo.

* Trường đại học Khoa học Huế

2. **Tác động của tia laser He-Ne:** Dù thời gian tác động ngắn hay dài, từ lúc đầu đến 20 ngày nuôi, chiều dài thân rong đều giảm so với đối chứng. Tác động trong 30 phút, sau 20 ngày nuôi rong chết.

Tác động trong 5 và 10 phút, sau 40 ngày nuôi, chiều dài thân rong vượt hơn đối chứng. Tác động 15 và 25 phút, chúng thấp hơn đối chứng. Tác động 5 và 10 phút, phân nhánh cấp 1 và cấp 2 đạt 101,03 - 104,81% so với đối chứng, còn ở các công thức thí nghiệm khác đều giảm so với đối chứng.

Ở 20 ngày đầu sau khi tác động tia laser, đường kính thân hầu như không tăng (0,5 - 0,6mm). Sau 40 ngày nuôi, chúng tăng và biến động từ 0,6 đến 0,8mm ở các lô thí nghiệm và cả đối chứng. Thời gian còn lại đường kính thân tăng không đáng kể.

Qua lát cắt ngang, tế bào vỏ có kích thước 2,91 - 7,43 μ , số lượng 770 - 829 tế bào. Tế bào dưới vỏ có kích thước 25,84 - 73,56 μ , số lượng 360-398 tế bào. Trong

cùng là trung trụ, tế bào có kích thước lớn, 61,2 - 380 μ . Trong thí nghiệm tác động 5 và 10 phút, xuất hiện một số tế bào lớn hơn so với đối chứng.

Tuy vậy, không có chênh lệch lớn về kích thước và số lượng tế bào ở các lô thí nghiệm và đối chứng.

Trọng lượng tươi, trọng lượng khô đạt cao nhất (125,16% so với đối chứng) ở lô tác động trong 10 phút, sau đó là lô tác động 5 phút.

Cường độ quang hợp đạt cao nhất (116,01 - 142,81% so với đối chứng) ở các lô tác động 5 và 10 phút.

Hàm lượng và sức đông agar-agar đạt 104,39% và 102,26% so với đối chứng ở lô tác động 5 phút, đạt 107,96% và 106,42% so với đối chứng ở lô tác động 10 phút.

Như trên đã nói, với kính hiển vi có độ phóng đại 1.500 lần, chúng tôi chưa thể đếm chính xác nhiễm sắc thể, nên chưa biết được dưới tác động của tia laser đã tạo ra dòng đa bội thể hay chưa, nhưng qua kết quả này rõ ràng

việc chiếu tia laser đã làm tăng năng suất và chất lượng của rong.

Kết luận

1. Colchicine đã có tác động đến quá trình sống của rong *G.tenuistipitata*:

- Trong thời gian đầu khi xử lí, colchicine đã ức chế hoạt động sống của tế bào, làm giảm các chỉ tiêu sinh lí của rong, mạnh nhất ở nồng độ 0,2% ngâm trong 48 giờ.

- Sau 20 ngày nuôi, tốc độ sinh trưởng của rong tăng, các chỉ tiêu sinh lí của chúng tăng lên và vượt quá đối chứng.

2. Nồng độ colchicine 0,2% ngâm trong 42 giờ đã làm tăng năng suất và chất lượng rong so với đối chứng và các lô thí nghiệm khác.

3. Tác động tia laser He-Ne cường độ 100lux trong 30 phút, rong bị chết sau 20 ngày nuôi.

4. Thời gian tác động tia laser tốt nhất là 10 phút sẽ làm tăng năng suất và chất lượng rong.

Ăn cá biển có khả năng kéo dài tuổi thọ của con người ?

Thật ra, để sống lâu có nhiều nguyên nhân, trong đó có chế độ ăn uống thích hợp với tỉ lệ lipid, glucit, protit phù hợp đảm bảo sản sinh 2000 - 4000 calo/ngày cung cấp cho mọi hoạt động của cơ thể. Gần đây, người ta đã xác định được chất selenium có tác dụng quan trọng chống sự lão hóa, rất cần thiết cho cơ thể con người. Trong nước biển, hàm lượng selenium rất thấp. Thông qua các sinh vật đáy, nó được tích tụ với nồng độ cao hơn hai ngàn lần và chính các sinh vật đáy này là thức ăn chính của các loài cá biển. Vì vậy, trong cá biển có selenium.

Người Nhật được coi là có tuổi thọ kéo dài hơn có lẽ liên quan đến thói quen ăn cá biển của họ. Tuy vậy, hàng ngày cơ thể cần đến 70 μ g selenium, trong khi mức tiêu thụ trung bình chỉ có 4070 μ g. Nếu được cung cấp đủ lượng selenium - mà chất này lại có chủ yếu trong cá biển - con người sẽ có khả năng sống lâu hơn.

CHỦ VỰA họ là ai ?

Từ nhiều năm nay, chủ vựa (còn gọi là nậu vựa) là một trong những vấn đề "nóng" gây nên nhiều tranh luận trong ngành thủy sản.

Có ý kiến cho rằng chủ vựa là lực lượng trung gian chuyên dùng các thủ đoạn thương mại để ăn chênh lệch giá. Có quan niệm đưa ra ý kiến còn gay gắt hơn, coi chủ vựa là thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa đang buộc chặt ngư dân trong những vói bạch tuộc vô hình để bóc lột, để hút máu...

Nhưng cũng có những ý kiến trái ngược, chủ vựa là cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng, là khâu tất yếu trong chu trình sản xuất...

Quan điểm nhận thức khác nhau, đang dẫn tới những thái độ ứng xử khác nhau. Quan niệm đầu đòi phủ định, xóa chủ vựa, làm lành mạnh hoạt động thương mại nghề cá bảo vệ lợi ích chính đáng của ngư dân. Quan niệm sau đề nghị duy trì, tạo điều kiện cho chủ vựa phát triển, tích lũy vốn làm giàu và hỗ trợ ngư dân sản xuất, đồng thời có chính sách để hạn chế mặt tiêu cực...

Vậy, chủ vựa - họ là ai? Vì sao có chủ vựa?

Thủy sản là một ngành kinh tế, ngay từ buổi khai sinh, sản xuất đã gắn chặt với thương mại. Cá là sản phẩm hàng hóa, sau khai thác cần được tiêu thụ nhanh, bởi yêu cầu của chất lượng là độ tươi.

Nghề cá Việt Nam là nghề cá nhỏ ven bờ. Các bến cá phân tán dọc chiều dài bờ biển và các vùng sông, hồ... Thuyền nghề nhỏ, khai thác đa loài. Sản phẩm trên 1 con thuyền sau những chuyến biển thường gồm nhiều loại cá với các kích cỡ khác nhau. Nghề khai thác biển là nghề mạo hiểm gian khổ, hay gặp rủi ro. Ngư dân về bến có tâm lý muốn bán cá nhanh, gọn, đơn giản, thu tiền mặt ngay.

Vai trò của quốc doanh, HTX làm dịch vụ hậu cần nghề cá chưa đáp ứng được cho nghề cá nhân dân.

Hiện nay các xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu chỉ có thể mua cá theo loại, theo đơn hàng xuất khẩu, không ít xí nghiệp chế biến xuất khẩu lại gia công cho chủ vựa. Các xí nghiệp chế biến thủy sản nội địa chỉ mua cá cho các sản phẩm chế biến phục vụ thị trường nội địa. Nhưng trên một con thuyền có nhiều loại cá. Mua loại này, loại kia bán cho ai? ai là người lựa chọn, phân loại? thời gian mua bán sẽ kéo dài bao lâu? cá sẽ ươn thối, xuống cấp. Rõ ràng cách thức mua bán cá như thế không phù hợp đối với đặc điểm nghề cá nhỏ, không thích hợp với tâm lý,

thói quen của ngư dân, vi phạm những nguyên tắc của chế thị trường, nên đã hạn chế sự phát triển của lực lượng sản xuất, làm gián đoạn khâu nối giữa sản xuất với tiêu thụ.

Mặt khác, ngư dân nghèo, rất cần vốn đầu tư cải thiện thuyền nghề, cần các vật tư phục vụ sản xuất và cần vốn dụng cho các nhu cầu sinh hoạt. Nhu cầu vay, ứng trước vốn của ngư dân luôn là nhu cầu "nóng", có tính thường trực. Càng nghèo, nhu cầu càng bức xúc. Sau mỗi lần đi ra, nhu cầu càng nóng bỏng. Cơ chế tín dụng, vay trả với đủ các thủ tục hiện nay của ngân hàng không đáp ứng được các đòi hỏi của thực tiễn nghề cá.

Đối với ngư dân, để bảo đảm sản xuất, họ cần được dịch vụ cả đầu vào và đầu ra.

Trước đòi hỏi của thực tiễn, trên thực tế, trong chế thị trường, trong nghề cá đã xuất hiện một lực lượng lộng động đáp ứng nhạy bén với những nhu cầu này. Họ xuất thân từ những người đánh cá do gặp may đã trở nên khá giả, hoặc có nguồn gốc gia đình làm nghề cá, hoặc làm công nghệ khác sinh sống gần bên cá, phát hiện cơ hội làm với nghề cá... Họ có ý chí làm giàu, có khả năng tổ chức quản lý.



Việc họ làm là đáp ứng các yêu cầu dịch vụ đầu vào cho ngư dân sản xuất và bao tiêu sản phẩm cá cho ngư dân khi về bến. Họ được gọi là chủ vựa, càng đi vào cơ chế thị trường sự tác động của chủ vựa càng lớn. Hoàn toàn không cường điệu khi nói chủ vựa đang nắm giữ gần như toàn bộ hệ thống mạng lưới bán buôn trên thị trường thủy sản nội địa Việt Nam.

Hầu như tất cả sản phẩm của ngư dân ở các bến cá đều được chủ vựa gom mua, thuyền ngư dân cập bến, chủ vựa mua 100% các loại thủy sản trên thuyền, từ cá phân tới tôm, cá xuất khẩu. Ngư dân không phải bận tâm phân loại tôm, cá khi bán. Phương thức mua của chủ vựa nhanh gọn, đơn giản, trả tiền ngay và là "tiền tươi" nên rất phù hợp tâm lý ngư dân. Hơn nữa, đối với các hộ ngư dân nghèo, các hộ có hoàn cảnh khó khăn, các hộ cần vốn đầu tư đều được chủ vựa quan tâm cho vay. Vốn vay của chủ vựa có thể phải trả theo mức lãi suất thỏa thuận, cũng có thể vay không lãi. Với cách làm này chị Phúc là chủ vựa ở cửa Nhượng - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh đã đầu tư cho hơn 50 chủ thuyền. (Chị Phúc là giáo viên trường PTCS Cẩm Nhượng, chồng là bộ đội chuyển ngành làm trạm trưởng trạm Y tế xã, liên tục là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh nhiều năm và có 3 con học rất giỏi. Ngoài nghề dạy học chị kiêm nghề chủ vựa và hiện nay có tác dụng rất tốt tới nghề cá toàn xã Cẩm Nhượng).

Chủ vựa có đủ khả năng mua gom cá của ngư dân trên mọi loại thuyền, mọi loại tôm, cá ở mọi nơi thuộc vùng. Sức mua và khả năng thanh toán ngay của chủ vựa rất lớn.

Ví dụ hộ chị Thuận - chủ vựa tại bến Vũng Tàu, chuyên mua cá của nghề giã. Một mình là chủ vựa của 30 tàu giã đôi và 10 tàu giã đơn. Có ngày về bến 5 đôi tàu, lượng cá cất bến trên 500 tấn. Tiền mặt thanh toán trong ngày xấp xỉ 1 tỉ đồng.

Công việc của chủ vựa sau khi mua cá là phân loại và phân phối. Chủ vựa nắm vững nhu cầu và thị hiếu của mọi đối tượng tiêu dùng. Nhờ thế, trong vòng 5 - 6 giờ đồng hồ hàng trăm tấn cá đã được phân theo luồng đến với người tiêu dùng, từ xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu đến các xí nghiệp chế biến nước mắm, từ hộ giàu đến hộ nghèo, từ thành phố đến nông thôn, từ chợ miền bắc đến chợ miền núi. Mạng lưới bán hàng của chủ vựa linh hoạt, năng động và hiệu quả.

Từ thực tế khảo sát mạng lưới thị trường nội địa, phát hiện của chúng tôi như sau:

Chủ vựa là lực lượng bán buôn thủy sản chủ yếu hiện nay, nhưng quan trọng hơn đây là đầu mối đáp ứng năng động mọi yêu cầu của người sản xuất, đồng thời phân phối chính xác, linh hoạt thoả mãn mọi nhu cầu của các kênh tiêu dùng. Chủ vựa là 1 mắt xích trong chu trình sản phẩm thủy sản đi từ sản xuất tới tiêu dùng, là cầu nối từ sản xuất đến thị trường.

Vị trí của chủ vựa trong mạng lưới thị trường nội địa là sự phân công lao động xã hội hợp lý, phù hợp với đặc điểm nghề cá Việt Nam hiện nay. Cách mua gom của chủ vựa hợp lý, thúc đẩy vòng quay thuyền, vốn nhanh, phù hợp với tâm lý, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân sản xuất.

Đối với người tiêu dùng, nhu cầu của từng đối tượng, từng vùng khác nhau, phụ thuộc vào sở thích, thói quen, mức thu nhập.... Việc phân phối hàng thủy sản của chủ vựa chính xác theo các kênh tiêu thụ, thoả mãn đúng các nhu cầu đa dạng, khác nhau. Đó là việc làm tinh tế, có hiệu quả đối với toàn xã hội. Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, hoạt động của chủ vựa thể hiện trình độ tự tổ chức cao và có ý nghĩa đối với đời sống dân sinh.

Tuy nhiên, những mặt trái của cơ chế mua bán thủy sản của chủ vựa cũng cần được phân tích thấu đáo. Nổi lên có mấy vấn đề sau:

1. **Trốn thuế** : Những thủ đoạn trốn, lậu thuế chung qui là giấu sản lượng mua bán, khai sứt giá bán hàng và nấp bóng những đơn vị quốc doanh. Lượng hàng trốn thuế của chủ vựa rất lớn. Do chưa quản lý được, nên sự thất thu về tài chính của Nhà nước ở khâu này rất đáng kể.

2. **Chi phối ngư dân và dấu hiệu lũng đoạn thị trường**: Do nắm vốn và nắm kênh tiêu thụ nên chủ vựa có nhiều thuật chi phối, trói buộc ngư dân thông qua ép cấp, hạ giá mua, cho vay lãi, hoặc cho vay không lãi, nhưng lấy lãi thực rất cao thông qua việc mua lại cá giá thấp, thậm chí có cả tình trạng mua "cá non" tương tự như người nông dân phải bán "lúa non".

(Khi trả lời phỏng vấn của chúng tôi thời gian tới sẽ kinh doanh mặt hàng thủy sản nào? không chần chừ, chủ vựa Phạm Nhanh ở Thuận Phước, Đà Nẵng đã trả lời ngay: kinh doanh hàng thủy sản nội địa, vì hàng thủy sản xuất khẩu giá ổn định, gần như cố định, khó làm giàu, hàng thủy sản nội địa giá dao động liên tục, nên dễ làm giàu!).

3. **Nằm ngoài vòng kiểm soát của Nhà nước**: Trên thực tế các cơ quan chức năng của Nhà nước chưa kiểm soát được hoạt động của chủ vựa, cũng như không kiểm soát được mạng lưới bán buôn hàng thủy sản nội địa. Chủ vựa mua, bán hàng thủy sản không sổ sách kế toán, không địa chỉ cố định. Các lực lượng thuế vụ, quản lý thị trường, quản lý bến, chợ cá không kiểm soát được hoạt động của chủ vựa. Thậm chí một số nơi, người giữ vị trí chi phối lại là chủ vựa.

Tại chợ Cầu Ông Lãnh - chợ mua bán buôn hàng thủy sản của tp.Hồ Chí Minh, hơn 15 năm nay, Ban quản lý chợ muốn đưa việc mua bán hàng thủy sản vào nền nếp thuộc guồng máy quản lý của Ban, song đến nay vẫn chưa làm được. Kể cả gần đây nhất, Ủy ban nhân dân thành phố đã có quyết định số 964 về quản lý thu lệ phí hàng hóa nhập chợ bằng 1% doanh thu đối với những người lái cá, song với những áp lực rất lớn của chủ vựa, quyết định của chính quyền vẫn chưa có hiệu lực.

Từ 2 mặt: tích cực và tiêu cực của vấn đề chủ vựa, khuyến nghị của chúng tôi đưa ra đối với Nhà nước là: cần phát triển nhanh kinh tế quốc doanh và hợp tác xã làm dịch vụ hậu cần cho nghề cá. Tiếp tục duy trì và từng bước hoàn thiện mạng lưới bán buôn của chủ vựa trên nguyên tắc nghiên cứu kiện toàn hệ thống quản lý của Nhà nước từ luật pháp, chính sách đến các bộ máy quản lý chức năng, đưa chủ vựa vào guồng máy kinh doanh được kiểm soát.

LÊ THÀNH NHÂN

Vấn đề tham khảo

TIÊU CHUẨN VỆ SINH ĐỐI VỚI CÁC LOÀI 2 MÀNH VỎ

Ở những nơi bắt buộc phải tiến hành quá trình nhà độc, người ta xác định chỉ tiêu *Collform* phân hay *Escherichia coli*. Khi các vi khuẩn gây viêm ruột cho người được các loài 2 mảnh vỏ hấp thụ, chúng vẫn còn lưu lại nhưng không gắn kết với ruột hoặc được chuyển qua ruột ra ngoài, nhanh chóng đào thải toàn bộ trong vòng 48 giờ - thời gian qui định thông thường cho một chu trình nhà độc - để tạo ra sản phẩm an toàn. Các độc tố và vi sinh vật biển có thể thẩm thấu qua thành ruột vào trong các mô. Trong thực tế, một số virus, vi khuẩn gây bệnh và độc tố sinh học biển vẫn có thể xuất hiện trong các loài 2 mảnh vỏ sau quá trình nhà độc bằng đèn cực tím.

Ôxtrâyliya hiện có một tiêu chuẩn vi sinh dành riêng cho hải sản tươi và đông lạnh. Tiêu chuẩn này đang được đánh giá lại để mở rộng phạm vi cho các loài 2 mảnh vỏ. Tiêu chuẩn qui định tổng số vi sinh vật trong hải sản không vượt quá 100.000 con/g thực phẩm, hải sản chưa qua xử lý tại 1 cơ sở làm sạch có số *E.coli* không vượt quá 2,5 con/g thực phẩm, hải sản thu gom trong vòng 24 giờ sau khi được nhà độc tại 1 cơ sở làm sạch hải sản có số *E.coli* không vượt quá 0,5 con/g thực phẩm.

Ôxtrâyliya cũng có qui định về nhiễm kim loại nặng đối với thực phẩm có nguồn gốc từ các loài 2 mảnh vỏ. Mức độ tối đa cho phép (trên 1kg thực phẩm): cadmi: 2mg, đồng: 70mg, chì: 2,5mg, thủy ngân: 0,5mg và kẽm (chỉ đối với hải sản): 1.000mg.

Tại ASEAN, các tiêu chuẩn, luật lệ và việc bắt buộc thi hành chưa được triển khai tốt mà chỉ mới thiết lập các biện pháp kiểm soát cho thực phẩm xuất khẩu.

Các loài 2 mảnh vỏ được coi là thực

NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM liên quan đến các loài 2 mảnh vỏ

(tiếp theo số 1/1997)

phẩm có giá trị thấp nên việc xây dựng các tiêu chuẩn phù hợp và việc bắt buộc thi hành chúng để bảo vệ sức khỏe cộng đồng ở thị trường nội địa không được coi như một vấn đề có quyền ưu tiên hàng đầu. Malaxia không có tiêu chuẩn nào về vấn đề. Phillppin không có tiêu chuẩn vi sinh nào nhưng có giới hạn saxitoxin là 80 µg/g thịt. Xingapo có một tiêu chuẩn cho hải sản và sò huyết được áp dụng cho cả sản phẩm nhập khẩu lẫn nội địa. Indônêxia và Thái Lan không có các tiêu chuẩn về vi sinh và độc tố.

KỸ THUẬT NHÀ ĐỘC

1. Lịch sử vấn đề

Mối quan tâm về sức khỏe cộng đồng liên quan đến việc ăn các loài 2 mảnh vỏ là do chúng thường được tiêu thụ ở dạng sống hoặc tái, tiêu thụ cả con thường nhiều hơn là tiêu thụ riêng thịt.

Ngộ độc liên quan đến việc ăn các loài 2 mảnh vỏ đã được xác nhận từ hơn 100 năm nay và người ta đã cố gắng loại bỏ các mầm vi sinh vật gây bệnh từ những năm cuối thế kỷ XIX.

Nhà độc hoặc làm sạch là quá trình mà trong đó các loài 2 mảnh vỏ bị nhiễm bẩn được đưa vào các bể chứa nước biển đã khử trùng để loại bỏ các vi khuẩn và các chất nhiễm bẩn khác khỏi đường tiêu hóa của chúng trong quá trình nuôi. Vắc

năm 1910 và 1920, đã sử dụng calcium hypochlorite để khử trùng nước biển. Năm 1929, đã sử dụng ôzôn để khử trùng nước biển. Năm 1960, đèn cực tím được sử dụng lần đầu tiên ở Anh để khử trùng nước biển trong quá trình nhà độc.

Tiến bộ trong công tác nhà độc liên quan với việc phát triển ngành vi sinh vật học, việc công khai hóa các sự cố về ngộ độc thực phẩm và các thành tựu trong công nghệ khử trùng nước uống (đèn cực tím, ôzôn). Cuối cùng là áp lực của người tiêu dùng lên chính phủ để bắt buộc phải thực hiện công tác nhà độc. Điều này đã tác động mạnh mẽ nhất lên công tác nghiên cứu và triển khai quá trình nhà độc.

Các phương tiện nhà độc được sử dụng theo các qui mô khác nhau ở nhiều nước và khá giống các thiết kế thực nghiệm ban đầu mặc dù đã có cải thiện về hiệu suất của công nghệ sử dụng trong quá trình nhà độc. Các nhà chuyên môn thừa nhận rằng nhà độc không loại bỏ hết được ngộ độc liên quan đến việc ăn các loài 2 mảnh vỏ. Điều này làm giảm niềm tin vào công tác nhà độc trong cuối những năm 80 và người ta bắt đầu tìm kiếm các công nghệ thay thế, các vùng nuôi nước sạch và quá trình ngâm lưu hoặc chế biến để làm giảm đáng kể ngộ độc liên quan đến việc ăn các loài 2 mảnh vỏ.

Ở Ôxtrâyli, người ta quan tâm đến các rủi ro tiềm ẩn cho sức khỏe cộng đồng do kết quả của việc tiêu thụ hải sản tăng lên từ những năm 60.

Sau vụ ngộ độc xảy ra ở New South Wales năm 1978, việc giám sát hải sản và vùng nuôi đã được tiến hành, chính phủ đã kiểm tra công tác nhà độc như là một biện pháp kiểm soát các rủi ro tới sức khỏe cộng đồng.

Từ đầu những năm 80, tất cả các loài hải sản ở New South Wales phải được tiến hành nhà độc.

Năm 1989 - 1990, đã phát hiện *V.parahaemolyticus* và *V.vulnificus* trong phần lớn hải sản đã nhà độc, điều này cho thấy mức độ nhiễm tự nhiên cao của *Vibrio* spp. trong hải sản và sự bất lực của việc nhà độc để loại trừ rủi ro này.

Giữa năm 1990, một vụ ngộ độc

thực phẩm xảy ra liên quan đến hải sản nhà độc. Virus Norwalk được tìm thấy trong hải sản ở New South Wales trong 57 vụ khác nhau qua 18 ngày, trong đó 11 vụ được điều tra và đã phát hiện 1.750 người bị nhiễm virus này. Tỷ lệ mắc bệnh của những người đã tiêu thụ sò là 80%.

Ở các nước ASEAN, công tác nhà độc được tiến hành trong giai đoạn 1982-1988.

2. Hiện trạng của công tác nhà độc

Ở Ôxtrâyli, hiện có hơn 300 cơ sở nhà độc sử dụng đèn cực tím để xử lý nước đang hoạt động ở New South Wales. Ôxtrâyli cũng đã tiến hành một chương trình bảo đảm chất lượng, giám sát các vùng nuôi và cường chế đóng cửa các khu vực sản xuất khi vượt quá các giới hạn đã đề ra, được coi là biện pháp hỗ trợ cho công tác nhà độc.

Ở các bang Victoria và Tasmanla, người ta phản đối việc nhà độc và thay vào đó là sử dụng biện pháp phân loại và kiểm soát vùng nước nuôi.

Tại ASEAN, chương trình nghiên cứu nhà độc duy nhất trong khu vực được tiến hành ở Philippin với sự hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản. Một vài nghiên cứu đang được thực hiện ở Thái Lan và Malakla. Không có cơ sở làm sạch thương mại nào tham gia cuộc nghiên cứu có tính khả thi này.

Nhà độc bằng ôzôn

Các quá trình nhà độc bằng hóa chất như chlorine và đèn cực tím hiện thời chỉ loại bỏ được các chất lây nhiễm chủ yếu nằm trong đường tiêu hóa mà không loại bỏ được chúng khi đã được vận chuyển vào mô của các loài 2 mảnh vỏ. Đã chứng minh rằng vi khuẩn biển, độc tố trùng hai roi và virus, những yếu tố có thể di chuyển từ đường tiêu hóa vào mô của các loài 2 mảnh vỏ, là nguyên nhân chính gây ngộ độc và vì vậy không thể loại bỏ hoàn toàn bằng biện pháp nhà độc.

Tia phóng xạ cũng được dùng để nhà độc. Chúng phá hủy tại chỗ *Vibrio* spp., rất hiệu quả ở các mức dưới 1kGy nhưng bị hạn chế với virus và độc tố sinh học. Tuy nhiên, người tiêu dùng thường xuyên các loài 2 mảnh vỏ phản đối việc

dùng tia phóng xạ để nhà độc.

Vai trò của ôzôn

Năm 1840, ôzôn được khám phá lần đầu tiên và được phát hiện là một chất oxy hóa rất mạnh, phá hủy nhanh vi sinh vật và phá vỡ các phân tử hữu cơ. Ôzôn được ứng dụng lần đầu tiên ở Pháp để làm sạch nước uống vào năm 1906. Đến nay, rất nhiều thành phố ở châu Âu có các nhà máy chế biến nước uống sử dụng ôzôn làm chất khử trùng.

Năm 1929, được biết có thể sử dụng ôzôn để tiệt trùng nước biển phục vụ việc nhà độc của các loài 2 mảnh vỏ. Cơ sở làm sạch thương mại đầu tiên sử dụng ôzôn đã được xây dựng ở Pháp năm 1963. Tới những năm đầu thập kỉ 80, tất cả các cơ sở làm sạch sử dụng ôzôn đều hoạt động dựa trên cơ sở là được phép cho các loài 2 mảnh vỏ vào nước biển đã được khử trùng hoặc tiệt trùng bằng cách cho tiếp xúc với ôzôn để nhà độc. Trong suốt thập kỉ 70 - 80, các nhà nghiên cứu đã bắt đầu kiểm tra chi tiết hơn và chứng minh vai trò của chất oxy hóa được tạo thành do kết quả của sự ôzôn hóa nước biển, trong việc nhà độc của các loài 2 mảnh vỏ, để loại bỏ các vi khuẩn, virus và độc tố trùng hại có hại.

Schnelder (1987, 1991) là một trong số những nhà nghiên cứu đầu tiên kiểm tra mối liên quan giữa việc tạo ra các chất oxy hóa trong nước biển đã được ôzôn hóa và sự phá hủy *Vibrio* spp., độc tố trùng hại roi và đã xác định tỉ lệ *Vibrio vulnificus* trong ngao có thể bị tiêu diệt tỉ lệ thuận với nồng độ của chất oxy hóa trong nước biển và việc loại bỏ *Vibrio vulnificus* đạt được hiệu quả trong vòng 4 giờ.

Tác giả cũng chứng minh rằng độc tố gây liệt (PSP) có thể bị phá hủy trong ống nghiệm trong 10 phút dưới tác dụng của những chất oxy hóa có trong nước biển đã ôzôn hóa.

Nồng độ của chất oxy hóa sử dụng trong các thí nghiệm này đã được chứng tỏ là không có hại tới các loài 2 mảnh vỏ dùng thí nghiệm.

Người ta cũng tìm hiểu cơ chế mà nhờ đó các vi sinh vật và độc tố trong các



loài 2 mảnh vỏ bị phá hủy bởi các chất oxy hóa. Qua đó để hiểu sự tạo thành và động lực của các chất oxy hóa trong nước biển đã được ôzôn hóa, ảnh hưởng của chúng tới các loài 2 mảnh vỏ.

Q.A Theo: Aciar working paper N^o 43. 11/1994

Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) với sự phát triển nghề cá Việt Nam

Tháng 11/1995, Ngân hàng phát triển châu Á đã thỏa thuận cho Việt Nam vay 57 triệu USD để sửa chữa, xây dựng, nâng cấp các cảng cá nhằm nâng cao sản lượng khai thác hải sản, cung cấp cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. ADB cũng dành khoản 1 triệu USD hỗ trợ kĩ thuật giúp Bộ Thủy sản nâng cao hiệu lực quản lí các cảng cá, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường.

Khoản vay này sẽ được Việt Nam trả trong vòng 40 năm, trong đó có ưu đãi kéo dài thêm 10 năm và phải trả dịch vụ phí 1%/năm.

Như vậy, ADB đã cho vay số tiền chiếm 80% tổng giá trị của dự án là 71,4 triệu USD. Dự án được chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 sẽ nâng cấp cơ sở hạ tầng, xây dựng, sửa chữa cảng cá, mua tàu đánh cá, mở rộng phạm vi cập tàu cá tại cảng và khuyến khích khai thác xa bờ. Bộ Thủy sản là cơ quan điều hành giai đoạn này.

Ngoài ra, ADB cũng đã cho Bộ Thủy sản vay 600.000 USD để xây dựng dự án nuôi trồng thủy sản ven biển. Dự án được xây dựng xong vào cuối năm 1996.

Gần đây, trên báo chí hoặc qua các phương tiện truyền thông đại chúng cụm từ "phát triển bền vững" thường được nhắc đến. Phát triển bền vững - theo định nghĩa của Tổ chức lương thực và nông nghiệp thế giới (FAO) - là quản lí, duy trì cơ sở nguồn lợi tự nhiên và định hướng thay đổi về mặt công nghệ và thể chế nhằm bảo đảm đạt được và tiếp tục thoả mãn các nhu cầu của con người cho các thế hệ hiện tại và mai sau. Sự phát triển bền vững như vậy (trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản) bảo toàn được đất, nước cũng như nguồn gen thực vật và động vật, không làm thoái hóa môi trường, đòi hỏi công nghệ thích hợp, có lợi về mặt kinh tế và được chấp nhận về mặt xã hội.

Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (NTTS) nói riêng, có nhiều nguyên nhân gây ra căng thẳng quá mức đến sự phát triển bền vững của NTTS cũng như sự đóng góp hiện tại của nó đối với an ninh thực phẩm, như sự kết hợp giữa tăng dân số và tăng trưởng kinh tế, sự suy thoái môi trường nước, sự gia tăng cạnh tranh nguồn lợi.... Tuy nhiên, tác động của những chính sách có hiệu lực có thể đem lại kết quả tăng trưởng đáng kể cả trong việc cung cấp thực phẩm và các phương diện kinh tế khác.

Ở những quốc gia hiện có các chính sách của chính phủ hỗ trợ cho NTTS phát triển thì mục tiêu tác động của các chính sách đó phụ thuộc nhiều vào nhu cầu của quốc gia ấy và đặc trưng cho từng quốc gia riêng biệt. Tuy nhiên, nhìn chung các

quốc gia đều hi vọng kiếm tìm các chính sách tối ưu để NTTS đóng góp vào sự an toàn kinh tế và xã hội (bao gồm cả ý nghĩa về dinh dưỡng và môi trường) thực tế là mục tiêu này đồng nghĩa với việc đóng góp tối ưu, lâu bền của NTTS vào việc cung cấp thực phẩm.

Muốn phát triển bền vững NTTS - cũng như mọi hoạt

hệ xã hội truyền thống và giá trị văn hóa tốt đẹp, giữ gìn môi trường tự nhiên.

Sự công bằng giữa các thế hệ: Nguyên tắc này thể hiện ở chỗ thế hệ hiện tại đang sử dụng, giữ gìn môi trường và những nguồn lợi mà NTTS lấy đi, trong chừng mực nào đó, không được làm tổn hại đến các thế hệ tương lai. Yếu tố then chốt của nguyên tắc là bảo vệ tính đa dạng sinh học cũng như các quá trình và hệ thống sinh thái.

Sự công bằng trong một

thế hệ: Là nguyên tắc mà theo đó, mọi tầng lớp dân cư trong cộng đồng đều được hưởng bình đẳng về giá trị và lợi nhuận của sự phát triển bền vững mang lại.

Thi hành cách tiếp cận phòng ngừa: Đòi hỏi sự hành động thận trọng ở những nơi có rủi ro và nguy hiểm nghiêm trọng đến cuộc sống của con người và - nói rộng ra - tới nguồn lợi và môi trường, thậm chí cả khi không có tác động mạnh mẽ hoặc những mối quan hệ nhân quả.

Qui chuẩn đạo lí của nghề cá có trách nhiệm đã đưa ra những nguyên tắc và tiêu chuẩn ứng xử quốc tế cho thực tiễn NTTS bền vững với Quar điểm nhằm bảo đảm duy trì quản lí và phát triển có hiệu quả nguồn lợi, cũng như sự bền vững của phát triển NTTS phù hợp với hệ sinh thái và tính đa dạng sinh học.

ĐỖ HOÀNG

*Nguồn: FAO Aquaculture Newsletter
Số 13. August/1996*

NHỮNG NGUYÊN TẮC của phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản

động phát triển khác - trên thực tế phải quan tâm đến 5 nguyên tắc sau:

Duy trì hệ sinh thái: NTTS là một nguồn thực phẩm và thu nhập. Mọi hoạt động kinh tế cuối cùng đều phụ thuộc vào sự bảo vệ tính đa dạng sinh học, duy trì các hệ thống và quá trình sinh học. Điều này áp dụng cho bản thân tác động của NTTS - thông qua việc sử dụng các hệ thống sản xuất NTTS nhất định và tác động của cả những ngành khác có dùng đến nguồn lợi mà NTTS sử dụng. Vì vậy, những quan niệm truyền thống về phát triển NTTS phải được mở rộng nhằm bao hàm cả các hệ sinh thái nguyên vẹn. Sự không vững chắc, tính rủi ro, khả năng thiệt hại nặng nề cũng cần được xem xét trong kế hoạch phát triển.

Tăng cường an toàn kinh tế và xã hội: Bao gồm thu nhập cao hơn về tiền hoặc sản phẩm, công việc và điều kiện làm việc tốt hơn, nâng cao khả năng tiếp cận với các dịch vụ thiết yếu, duy trì các mối quan

65% cơn bão đổ bộ vào miền Trung

Miền Trung là nơi chịu ảnh hưởng của bão nhiều nhất Việt Nam, theo thống kê, chiếm 65% tổng số cơn bão đổ bộ vào Việt Nam trong những năm gần đây, trung bình mỗi năm có 4 cơn bão đổ bộ vào khu vực này. Năm nhiều nhất, 1964 có tới 10 cơn bão.

Cũng theo thống kê nhiều năm, sự phân bố của bão đổ bộ vào các vùng ở miền Trung không đều nhau:

- Từ Thanh Hóa đến Đèo Ngang chiếm 31,1%.

- Từ Đèo Ngang đến Hải Vân chiếm 26,2%.

- Từ Đà Nẵng đến Bình Định chiếm 20,4%.

- Từ Bình Định đến Ninh Thuận chiếm 22,3%

Từ thống kê trên ta thấy, khu IV cũ (từ Thanh Hoá đến Thừa Thiên - Huế) chiếm 57,3% tổng số cơn bão đổ bộ vào miền Trung.

Thời gian bão vào miền Trung là từ cuối tháng 3 đến tháng 12, trong đó 70% số bão đổ bộ vào các tháng 9, 10 và 11.

Tỉ lệ những cơn bão mạnh đổ bộ vào miền Trung cũng lớn, trong 18 cơn bão mạnh vào Việt Nam trong thời gian gần đây, có 11 cơn vào miền Trung, chiếm 61 %.

Bão đổ bộ vào thường kèm theo nước biển dâng cao. Độ cao nước dâng do bão, từ 1m đến trên

2m có khi lên 4m, tùy thuộc vào bão mạnh hay yếu, di chuyển nhanh hay chậm và tùy thuộc vào địa hình bờ biển nơi bão đổ bộ.

Sự tàn phá của bão gây ra cho khu vực này cũng rất lớn, đơn cử, cơn bão số 6 đổ bộ vào Thanh Hóa ngày 16/9/1980, sức gió cấp 12 làm 173 người chết, 6 người mất tích, 114.354 nhà đổ, lúa ngập và mất trắng 128.400ha, nhiều tàu thuyền, đoạn đê biển bị phá hỏng.

Cơn bão số 9 đổ bộ vào bắc Bình Thuận ngày 16/10/1983, sức gió cấp 8 giật trên cấp 9 làm 175 người chết, 125 người mất tích, nhiều tàu thuyền bị phá hỏng.

Cơn bão Cecil đổ bộ vào Bình Trị Thiên (cũ) sáng 16/10/1985, sức gió cấp 12, gió cấp 9 cấp 10 kéo dài 10 giờ tại Đồng Hới, Đồng Hà làm 900 người chết, 215 người bị thương, 1772 tàu thuyền đánh cá bị đắm.

Cơn bão số 2 đổ bộ vào Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Hà ngày 24/7/1996 vừa qua cũng gây thiệt hại nghiêm trọng (xem *Tạp chí Thủy sản* trang 3,4 số 5/1996).

Mùa bão đã đến, để giảm tổn thất do bão gây ra, chúng ta phải lấy phòng là chính.

MÙA DÔNG BÃO - tìm hiểu cấp gió

Cấp gió	Loại gió	Trên đất liền	Ngoài biển	Sức gió, km/giờ
0	Lặng gió	Khói lên thẳng	Mặt biển lặng như gương	0
1	Gió rất nhẹ	Khói bị lay động	Mặt biển có vết nhăn như vẩy cá, không có bọt	1- 5
2	Gió nhẹ	Lá cây xào xạc, mắt trên da mặt	Sóng gợn, không nghe tiếng sóng vỗ	6 - 11
3	Gió nhỏ	Lá cây rung động, cờ bay phấp phới	Nghe tiếng sóng vỗ, sóng có bọt trắng	12 - 19
4	Gió vừa	Cành cây con rung động, mặt đất cuốn bụi	Sóng nhỏ dài hơn	20 - 28
5	Gió khá mạnh	Cây nhỏ đu đưa, mặt nước hồ ao gợn sóng	Sóng vừa và dài	29 - 38
6	Gió mạnh	Cành lớn lung lay, hồ ao có sóng to, đường dây thép reo	Ngon sóng có bụi nước bắn lên	39 - 49
7	Gió khá to	Cây to rung chuyển, khó đi ngược chiều gió	Sóng khá cao, bọt trắng rải theo chiều gió	50 - 61
8	Gió to	Đánh gãy cành nhỏ, không đi ngược chiều gió được	Sóng cao và dài, nước bắn tung tóe ngon sóng, bọt trắng rải thành vệt rõ	62 - 74
9	Gió rất to	Làm hư hại nhà cửa, gãy cành cây	Sóng lớn, bọt dày đặc, ngon sóng cuốn cuộn	75 - 88
10	Gió bão	Làm bật rễ cây, phá đổ nhà cửa	Sóng rất lớn, reo dữ dội, bọt trung trắng xóa	89 - 102
11,12	Gió bão to	Có sức phá hoại rất lớn	Sóng cực kì lớn, mặt biển trắng như bọt	103 trở lên

CÔNG TÁC KHUYẾN NGƯ NĂM 1997

ĐỊNH HƯỚNG

Năm 1997 ưu tiên cho vùng ven biển nhằm chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp, tạo cơ sở vững chắc cho dân ra khai thác xa bờ và bảo vệ môi trường, nguồn lợi. Cụ thể: ưu tiên xây dựng mô hình và tập huấn về các nghề khai thác xa bờ, tăng cường xây dựng mô hình, tập huấn về nuôi trồng thủy sản thuộc các đối tượng như cá rô phi, tôm, cá lồng và nhuyễn thể; giải quyết đủ con giống, giống tốt và kịp thời vụ. Quan tâm đến các mô hình về thức ăn, phòng trừ dịch bệnh và sơ chế, bảo quản sản phẩm thủy sản. Đổi mới nội dung tuyên truyền để đạt hiệu quả cao hơn.

Tổ chức tập huấn nâng cao cho đội ngũ khuyến ngư để nhân rộng.

Tổng kết 3 năm hoạt động khuyến ngư toàn ngành.

TRIỂN KHAI CỤ THỂ

Về khai thác hải sản

Xây dựng mô hình về thông tin liên lạc, phòng chống bão lụt và cứu hộ cho ngư dân ở các địa phương: Hải Phòng, Thanh Hóa và Tuy Hòa. Xây dựng mô hình chuyển từ khai thác sang nuôi trồng ven biển như trồng rong sụn, nuôi cá lồng và nuôi nhuyễn thể.

Về nuôi trồng thủy sản

Xây dựng mô hình nuôi luân canh, xen canh ven biển: một vụ tôm, một vụ cá rô phi đơn tính và một vụ lúa, một vụ tôm ở Cà Mau, Bạc Liêu, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Nghệ An, Thanh Hóa, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Hà, khoảng 15 - 40ha/tỉnh.

Nuôi thâm canh cá rô phi, nuôi thâm canh tôm mỗi loại 2 mô hình. Đánh bắt giống tôm cá tự nhiên và nuôi cá song, tôm hùm, cá hồng, cá cam trên biển thuộc các tỉnh Khánh Hòa, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận, Quảng Ninh và

Hải Phòng. Xây dựng 4 mô hình thay đổi đối tượng nuôi trong lồng nhằm khắc phục bệnh của cá trắm cỏ ở 4 con sông hồ chứa, xây dựng 4-5 mô hình nuôi ba ba cho một số tỉnh chưa xây dựng mô hình.

Xây dựng 4 mô hình về quản lý bố giống giống (ngao), sò huyết, sò lông để cung ứng cho dân nuôi. Mở rộng vùng nuôi nhuyễn thể thuộc các tỉnh Thái Bình, Nam Hà, Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu.

Ngoài các tỉnh tự xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng rong tảo, Bộ tập trung xây dựng 4 mô hình sản xuất giống rong sụn cung cấp cho dân nuôi.

Bộ sẽ tổ chức 13/330 - 350 lớp tập huấn trong cả nước cho 90% cán bộ khuyến ngư các tỉnh: nuôi luân canh, xen canh: 1 lớp; nuôi nhuyễn thể, trồng rong sụn, nuôi cá trong lồng, bè, trên biển: 3 lớp; kỹ thuật nuôi ba ba: 2 lớp; kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm thủy sản: 1 lớp và kinh nghiệm khai thác vùng khơi: 2 lớp.

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, THAM QUAN, HỘI THẢO

Ngoài việc phối hợp với các cơ quan báo chí tuyên truyền về khuyến ngư, để các địa phương có tài liệu Bộ sẽ xây dựng, xuất bản 8 đầu sách: Những người nuôi cá biển; Tôm hùm giò; Kỹ thuật nuôi một số đối tượng có giá trị kinh tế cao; Kỹ thuật nuôi luân canh, xen canh; Kỹ thuật nuôi cá trong lồng, bè; Kỹ thuật khai thác khơi; Tổ chức quản lý hợp tác xã, tập đoàn, đơn vị thủy sản... kinh nghiệm chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp; và 1 cuốn về Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường bền vững. Xây dựng 1 băng hình (8 về NTTS, 4 về khai thác hải sản và in sao 3000 băng cát sét, in 4 vạn tờ bướm.

Tổ chức một số hội thảo, tham quan trao đổi kinh nghiệm

Thời vụ nuôi chính của một số loài thủy sản

Từ Quảng Ninh đến Quảng Trị

Đối tượng	Thời vụ, từ tháng ... đến tháng ...		
	Sản xuất giống	Nuôi thương phẩm	Thu hoạch
Tôm sú	Giống chủ yếu đưa từ miền Trung ra	4 - 8	7 - 9
Tôm he, nuong	Chủ yếu lấy giống tự nhiên	4 - 10	6,7 và 10, 11
Cua biển	Giống tự nhiên	10 - 3	1 - 3 năm sau
Cá chép, trắm cỏ, mè, trôi, rô hu	3 - 10	2 - 12	5 - 12
Cá rô phi	3 - 7	3 - 12	7 - 12
Ba ba	4 - 11	4 - 12	11 - 1 năm sau

Từ Thừa Thiên - Huế đến Bình Thuận và Tây Nguyên

Đối tượng	Thời vụ, từ tháng đến tháng....		
	Sản xuất giống	Nuôi thương phẩm	Thu hoạch
Tôm sú	Quanh năm	5,6 và 9,10	7 - 12
Tôm bạc	Giống tự nhiên	3 - 10	5,6 và 9, 10
Tôm hùm	Giống tự nhiên	3 - 10	8 - 10
Cua biển	Giống tự nhiên	12 - 4 năm sau	1 - 5
Chép, mè, trắm cỏ, rô phi	2 - 7	2 - 12	4 - 12
Ba ba	Quanh năm ✓	Quanh năm	Quanh năm

Từ Đồng Nai trở vào

Đối tượng	Thời vụ, từ tháng... đến tháng...		
	Sản xuất giống	Nuôi thương phẩm	Thu hoạch
Tôm sú	1,2 và 4,5	1- 4 và 5, 8	4,5 và 7, 8
Tôm bạc thè	Giống tự nhiên	Quanh năm	Quanh năm
Cua biển	Giống tự nhiên	11 - 3 năm sau	12 - 4 năm sau
Tôm càng xanh	Giống tự nhiên	1 - 5 và 6 -11	4,5 và 10,11
Cá tra, ba sa	Giống tự nhiên ✗	2 - 12	5 - 12
Cá rô phi, trê lai	Quanh năm	Quanh năm	Quanh năm
Cá bống tượng	4 - 11	Quanh năm	Quanh năm

KINH NGHIỆM nuôi cua của một thương binh

Có một thời, anh thương binh bậc 2/4 Nguyễn Quốc Huy đã phải lao đao vì cơ chế thị trường. Sức khỏe yếu, lại không có vốn, anh không biết phải xoay sở thế nào để kiếm sống. Bố mẹ cho ra ở riêng, anh quyết định bán nguyên vật liệu bố mẹ cho làm nhà được 5 triệu đồng làm vốn đắp đăm nuôi tôm. Thiếu kĩ thuật, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm, vụ tôm

năm 1990 anh hoàn toàn thất bại. Cái khó không bỏ được cái khôn, anh mày mò học hỏi và chuyển sang nghề nuôi cua từ năm 1992. Vụ đầu anh lãi được 8 triệu đồng, rồi vụ sau lãi cao hơn vụ trước, đến nay anh trở thành triệu phú nuôi cua nổi tiếng của xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Hỏi về kinh nghiệm nuôi cua của anh, tôi thấy

điểm đặc sắc nhất là cách nuôi cua không cần rào chắn, đỡ tốn kém rất nhiều. áp dụng kĩ thuật này phải dựa vào sự hiểu biết về đặc tính sinh học của cua. Anh cho biết: điều cần nhất trong phương pháp này là phải sâu ao, cao bờ và không được để cho cua dõ.

Trong quá trình nuôi anh đã rút ra được những kinh nghiệm giúp cho anh thành công là: phải luôn bắt tỉa thả bù quay vòng liên tục quanh năm, thu những con đã đủ tiêu chuẩn để có hàng bán thường ngày, thả bù giống để luôn giữ mật độ trong ao. Với 5000m² mặt nước, anh luôn có từ 2000 đến 3000 con cua, khi bắt đi 10 con thì lại thả vào 15 con giống để duy trì khối lượng cua trong ao. Anh chú ý thay nước thường xuyên cho ao, 8 lần trong 1 tháng, mỗi lần thay để lại 1/4 lượng nước cũ. Hàng năm vào cuối mùa mưa anh dọn ao, cày bừa, bón vôi diệt tạp rồi mới lấy nước vào thả giống. Anh cho biết về kinh nghiệm chọn giống cua là phải mua ở gần địa phương mình sống, chọn những con khỏe, không gãy càng gãy chân.

Sau khi thả giống xuống ao, hàng ngày anh cho cua ăn bằng cá tạp, cá nhỏ, rai dế. Số lượng thức ăn tương xứng với số cua đang có dưới ao, mỗi con phải có một miếng mồi. Cần cho ăn đủ, nếu thừa thì lãng phí, nếu thiếu cua sẽ tranh giành nhau, cắn nhau, còi cọc, kém phát triển và thậm chí bỏ đi mất.

Tuy nuôi cua không cần rào chắn, song hệ thống cống rãnh phải chắc chắn và có lưới chắn cẩn thận để không cho cua bò đi. Khi thu hoạch cua, anh Huy đã có sáng kiến bắt cua bằng cách thả thức ăn cho cua bò vào ven bờ lúc chập tối rồi dùng đèn soi chọn con to đủ cỡ để bắt. Điều cần lưu ý đối với cách bắt này là mỗi phải thơm và cua không thể tha xuống sâu được, đèn phải sáng, vợt phải thoáng, thao tác nhanh.

Với tính ham mê học hỏi, dám nghĩ dám làm nên anh Huy đã nắm vững, chủ động được kĩ thuật nuôi cua và nuôi đạt hiệu quả cao. Vụ cua năm 1996 anh đã thu lãi trên 34 triệu đồng. Có kinh nghiệm rồi, anh Huy còn hướng dẫn 3 hộ khác cùng nuôi. Trên diện tích 300m², mỗi hộ cũng thu được trung bình là 8 triệu đồng/ ao động/năm. Qua kinh nghiệm nuôi cua của anh Huy và những hộ này có thể thấy nghề nuôi cua biển là một nghề đem lại hiệu quả kinh tế cao cho bà con ngư dân ven biển nếu nắm vững được kĩ thuật nuôi.

HẢI DƯƠNG tổ chức 3 lớp tập huấn khuyến ngư

Trong quý I/1997, Trung tâm khuyến nông Hải Dương đã tổ chức 3 lớp tập huấn khuyến ngư cho 186 hộ nông dân và cán bộ làm khuyến ngư thuộc các huyện, thị ở 3 xã: Đình Dù (Mĩ Văn) Phùng Hưng (Châu Giang), và Tống Chân (Phước Tiễn).

Qua tập huấn các học viên nắm được kĩ thuật nuôi thâm canh cá trong ao, nuôi cá rô phi ruộng trũng; cách phòng và chữa bệnh cho các loài thủy sản. Cũng qua tập huấn các học viên được nghe và trao đổi các mô hình nuôi cá kết hợp với nuôi lợn, nuôi cá kết hợp với nuôi vịt, gà...

Tin, bài trong mục này của
Thái Bá Hồ, Minh Nhật và CT

Chuyện cá, tôm chết ở ngoài biển, xác chúng nổi vọt trên sóng hoặc trôi dạt vào bờ xem ra chẳng có gì đáng nói. Vậy mà mỗi đây, ngư dân ở một vùng biển của Niu Di Lân, rồi sau đó là các nhà ngư học lại xôn xao về việc một con mực theo sóng biển dạt vào bờ của nước này. Đây là con mực khổng lồ, được xem là cá thể lớn nhất từ trước đến nay trong nhóm động vật không xương sống cư ngụ ngoài biển khơi mà các nhà khoa học thấy được.

Theo các đặc điểm phân loại, đã xác định tên khoa học của nó là *Architeuthis*. Con mực này có cặp mắt cực lớn, to bằng đầu người và cũng là to nhất trong số các loài vật. Ngư dân biển ở đây đã từng loan truyền những câu chuyện đầy màu sắc huyền thoại về con mực khổng lồ này. Trong những câu chuyện đó lại mang những chi tiết có thật, bởi họ thường phát hiện những dấu vết của nó để lại quanh vùng biển Niu Di Lân. Từ thế kỉ thứ 10, ông cha họ đã từng mạo hiểm ra khơi ngăn dằm để săn lùng con mực này nhưng không thành. Và đến nay, sau 10 thế kỉ, họ đã thấy nó qua hình hài một cái xác trôi dạt từ trung dương đến.

Con mực này sống ra sao, đơn độc hay có bầy đàn, nó ăn gì, tồn tại qua năm tháng như thế nào. Mọi câu trả lời xác đáng còn ở phía trước.

TIN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

- Vừa qua tại Hà Nội, BỘ TRƯỞNG THỦY SẢN TẠ QUANG NGỌC TIẾP QUỐC VỤ KHANH Nước cộng hòa Acentina phụ trách nông nghiệp, chăn nuôi nghề cá và thực phẩm và kí bản ghi nhớ về thủy sản giữa hai nước, làm cơ sở cho việc tạo ra một khuôn khổ hợp tác năng động thông qua việc trao đổi thông tin, chuyển giao công nghệ và hợp tác khoa học giữa hai nước.

- HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ ĐÔNG NAM Á (SEAFDEC) đã tổ chức Hội nghị lần thứ 29 tại Hà Nội từ 4 đến 7/3/1997. Tham dự có đại biểu của 7 nước thành viên là Brunêi, Nhật Bản, Malaixia, Philippin, Xingapo, Thái Lan, Việt Nam và đại diện của FAO, của Kế hoạch Cólômbô (PLAN COLOMBO) và của Indônêxia.

Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang Ngọc, thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đọc diễn văn chào mừng hội nghị.

Hội nghị đã thảo luận và thông qua chương trình hoạt động, các qui chế hoạt động và nghĩa vụ của các nước thành viên SEAFDEC.

Ông Udom Bhatiyasevi, quan chức của Thái Lan được bầu làm Tổng thư kí của SEAFDEC. Indônêxia được kết nạp làm thành viên chính thức của SEAFDEC.

- CHƯƠNG TRÌNH CỦA LÃNH ĐẠO BỘ NĂM 1997 tập trung vào các vấn đề trọng tâm: Chỉ đạo công tác qui hoạch, kế hoạch. Hoàn chỉnh các văn bản pháp qui của ngành. Xây dựng các chính sách tạo điều kiện phát triển sản xuất. Củng cố các doanh nghiệp quốc doanh. Tiếp tục cải cách hành chính, rà soát chức năng nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu của Bộ. Tăng cường công tác phòng chống bão lụt và giảm nhẹ thiên tai. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, chống tham nhũng và buôn lậu. Giữ vững mối quan hệ chặt chẽ với các Bộ, ngành.

- CHÍNH SÁCH VỚI TÔM NUÔI là tiêu đề văn bản ngày 19/2/1997 của Chính phủ gửi cho Bộ Thủy sản và các bộ có liên quan, theo đó, Bộ Thủy sản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với UBND các tỉnh nghiên cứu chính sách ưu đãi về thuế, lệ phí để hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh giống tôm; Bộ Thủy sản cùng các bộ có liên quan

tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên có thể nhập giống tôm nuôi có khả năng miễn dịch nếu trong nước không đáp ứng được yêu cầu.

- Bộ Thủy sản và Hội nghề cá Việt Nam tổ chức tại Hà Nội HỘI THẢO KHU VỰC ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN VỀ CÔNG NGHỆ THỦY SẢN SAU THU HOẠCH từ 17 đến 29/3/1997, trong khuôn khổ dự án công nghệ thủy sản sau thu hoạch ASEAN - CANADA (do Chính phủ Canada tài trợ thông qua cơ quan phát triển CIDA). Tham dự hội thảo có 32 người từ các nước Xingapo, Indônêxia, Thái Lan, Brunêi, Malaixia, Philippin và Việt Nam.

Qua hội thảo, các đại biểu của nước ta có dịp học hỏi thêm các tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh thực phẩm để đào tạo lại cho cán bộ công nhân chế biến xuất khẩu thủy sản, góp phần nâng cao chất lượng hàng thủy sản Việt Nam xuất khẩu.

- Ngày 10/3/1997, tại Hà Nội, Thứ trưởng Nguyễn Thị Hồng Minh ĐÁP MẶT THÂN MẬT CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ NHÂN KỈ NIỆM NGÀY TRUYỀN THỐNG CỦA NGÀNH (1/4)

Trong buổi gặp mặt, Thứ trưởng thông báo những thành tựu của ngành đạt được từ khi Bác Hồ về thăm làng cá cách đây 38 năm, đặc biệt từ năm 1981 đến nay và nhiệm vụ của ngành trong giai đoạn mới, thông báo chủ trương của ngành trong dịp kỉ niệm ngày Truyền thống năm nay. Với chủ đề kỉ niệm: **"Vươn ra khai thác hải sản xa bờ, bảo đảm an toàn về người và phương tiện cho ngư dân, phát huy tinh thần tương thân, tương ái trong bà con làm nghề cá"**, Thứ trưởng đề nghị các cơ quan báo chí phối hợp mở một đợt tuyên truyền sâu rộng nhằm làm cho xã hội hiểu thêm về ngành thủy sản, nâng cao tinh thần trách nhiệm và lòng tự hào của cộng đồng lao động nghề cá; đề xuất những cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế thủy sản; gắn kinh tế với quốc phòng.

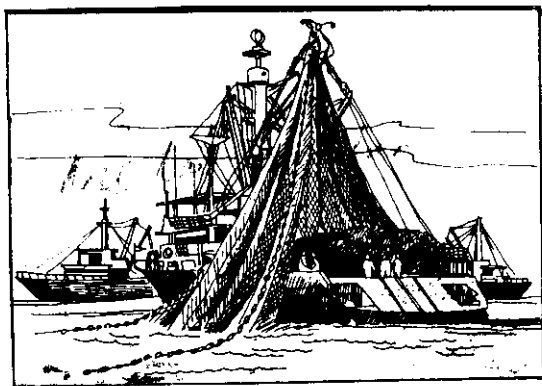
- CHÍNH PHỦ ĐÀ ỦY QUYỀN CHO BỘ THỦY SẢN PHÊ DUYỆT NGHIÊN CỨU KHẢ THI dự án thành phần nằm trong dự án "Khôi phục và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nghề cá Việt Nam" đó là 9 cảng cá: Cát Bà (Hải Phòng), Cửa Hội (Nghệ An), Xuân Phổ (Hà Tĩnh), Sông Gianh (Quảng Bình), Thuận Phước (Đà Nẵng), Phan Thiết (Bình Thuận), Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Tắc Cậy (Kiên Giang) và

Cà Mau (Cà Mau).

Tổng mức vốn của các dự án này là 35.868.000 USD, bằng nguồn vốn ADB.

• **HỘI THẢO DỰ BÁO KHAI THÁC HẢI SẢN** đã được Bộ Thủy sản đã tổ chức tại Hà Nội ngày 21/3/1997. Hội thảo đã được nghe nhiều báo cáo khoa học liên quan đến công tác này và thống nhất đánh giá sự cần thiết của việc dự báo khai thác hải sản. Công tác này đã được tiến hành từ những năm 60, nhưng vì những lí do khác nhau, hơn 10 năm qua đã bị gián đoạn.

Trước yêu cầu phát triển của nghề cá, việc khôi phục công tác dự báo là cần thiết và cấp bách. Hội nghị đã xác định được nội dung, phương pháp cần phải triển khai để phục vụ cho đánh bắt hải sản.



• **Quý 1/1997 SẢN XUẤT KINH DOANH TOÀN NGÀNH** đạt cao hơn so với cùng kì năm 1996, ước đạt: Tổng sản lượng thủy hải sản 340.000 tấn, trong đó khai thác hải sản 228.000 tấn, nuôi trồng thủy sản 112.000 tấn, xuất khẩu thủy sản 183.597 triệu USD, tương ứng bằng 106%, 104%, 108,7%, 120,8% so với cùng kì năm 1996.

Đạt được kết quả trên là do Bộ Thủy sản đã tăng cường chỉ đạo, giao kế hoạch cho các địa phương, đơn vị ngay từ đầu năm và thời tiết thuận lợi. Các địa phương, đơn vị đã chủ động chuẩn bị vật tư, phương tiện tàu thuyền ngay từ cuối năm 1996.

• **TÀU NGHIÊN CỨU NGHỀ CÁ VÀ HẢI DƯƠNG BIỂN ĐÔNG** do Chính phủ Na Uy viện trợ và được giao cho Viện nghiên cứu hải sản quản lí, sử dụng từ 24/3/1977 đến nay. Hai mươi năm qua, tàu Biển Đông đã tham gia thực hiện nhiều chương trình nghiên cứu nghề cá và hải dương học, thu được nhiều kết quả khoa học có tác dụng làm cơ sở để phát triển nghề cá. Do gặp nhiều khó khăn về kinh phí cho tàu hoạt động và sửa chữa, bổ sung

thiết bị nghiên cứu nên những kết quả đạt được chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác điều tra nguồn lợi hải sản. Năm 1995, bằng nguồn vốn ODA của Nhật Bản, cùng với kinh phí nhà nước, tàu đã được sửa chữa lớn và hiện nay có khả năng hoạt động tốt.

Ngày 24/3/1997, Viện nghiên cứu hải sản đã tổ chức kỉ niệm 20 năm hoạt động nghiên cứu khoa học của tàu Biển Đông, với sự có mặt của đại diện sứ quán Na Uy, Vụ KHCN, Vụ HTQT, Cục BVNLTS Bộ Thủy sản và đại diện của nhiều bộ, ngành có liên quan.

• **XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIỆT - NGÀ SEASAFICO** vừa được Chính phủ cho phép sử dụng 2 tàu đánh cá cỡ trung để thử nghiệm khai thác cá tại vùng biển của Việt Nam ở độ sâu 50m nước trở ra tại những vùng biển do Bộ Thủy sản qui định, thời gian 1 - 2 năm. Chính phủ giao cho Bộ Thủy sản và các bộ có liên quan quản lí chặt chẽ và định kì báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

• **NHÀ MÁY CƠ KHÍ HẠ LONG** đã sửa chữa, nâng cấp xong dock nổi có thể sửa được tàu từ 600 đến 800 tấn. Đến nay đã có 4 tàu đăng kí sửa chữa. Dự kiến, sau 2 năm nhà máy thu hồi được vốn đầu tư.

• Đến nay có 170 nước **QUAN HỆ BUÔN BÁN THỦY SẢN VỚI EU**, nhưng mới có 27 nước đủ điều kiện vệ sinh và quản lí chất lượng được cấp giấy phép chính thức xuất hàng vào EU. 9 nước khác, trong đó có Việt Nam, sau khi được EU khảo sát về cơ bản đạt được nội dung tương đương nên đã được đưa vào diện xem xét.

Đối với nhuận thế 2 mảnh vỏ, EU đã cấp giấy phép chính thức cho 10 nước, 3 nước khác trong đó có Việt Nam đã được đưa vào diện xem xét.

• **BIÊN BẢN GHI NHỚ VỀ HỢP TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (KHCN)** giữa Vụ KHCN Bộ Thủy sản nước ta và Viện nghiên cứu khoa học thủy sản Trung Quốc đã được kí kết sau khi kết thúc Hội nghị trao đổi kết quả nghiên cứu nuôi trồng thủy sản Việt Nam - Trung Quốc lần thứ I, được tổ chức tại Hà Nội từ 25 đến 27/2/1997.

Quan hệ hợp tác KHCN thủy sản giữa 2 nước được tăng cường từ năm 1992 trở lại đây. Tại hội nghị, đã trình bày 16 báo cáo mang tính khoa học và thực tiễn cao, có thể áp dụng vào điều kiện thực tế để thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản ở mỗi nước.

Trong thời gian hội nghị, Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang Ngọc đã tiếp Viện phó Tư Đồ Kiến Thông,

trưởng đoàn đại biểu Viện nghiên cứu khoa học thủy sản Trung Quốc tham dự hội nghị.

- **NGHỀ NUÔI SÒ HUYẾT** đã phát triển ở huyện ven biển Thạnh Phú (Bến Tre) từ vài năm qua. Nhiều hộ dân ở đây nuôi sò huyết có kết quả, thu lời rõ rệt. Qua 8 - 12 tháng nuôi, có hộ gia đình thực lãi cả trăm triệu đồng. Tuy vốn đầu tư dọn bãi, làm rào chắn, mua giống và thuê công chăm sóc, bảo vệ... không cao lắm nhưng muốn tiếp tục mở rộng diện tích nuôi, cũng cần có sự hỗ trợ vốn để phát triển nhằm khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản ở địa phương, ổn định nghề nghiệp và cuộc sống của bà con ngư dân vùng ven biển này.

- **MỘT DÂY CHUYỀN ĐÔNG LẠNH IQF** của Hoa Kỳ do hãng York Fick chế tạo đã được vào sản xuất tại Xí nghiệp mặt hàng mới. Dây chuyền có công suất 500kg sản phẩm/giờ, trị giá 0,5 triệu USD. Được biết trong năm 1997, Tổng công ti Thủy sản Việt nam có chương trình đầu tư trang thiết bị và công nghệ tiên tiến cho 8 trung tâm chế biến thủy sản xuất khẩu trong cả nước, nhằm tăng cường năng lực chế biến các mặt hàng cao cấp, làm tăng giá trị hàng thủy sản xuất khẩu Việt Nam trên thị trường thế giới.

- **DỰ ÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN NGUỒN LỢI HẢI SẢN** và điều kiện môi trường sinh thái các vùng trọng điểm phục vụ mục tiêu phát triển lâu bền ngành hải sản vùng gần bờ biển nước ta, do Viện nghiên cứu hải sản chủ trì, đã bắt đầu được triển khai. Mục tiêu của dự án là nắm vững trữ lượng, qui luật biến động và khả năng khai thác nguồn lợi hải sản; xác định hiện trạng và tác động của các hoạt động khai thác và biến động môi trường ảnh hưởng đến nguồn lợi; đề xuất biện pháp quản lý nguồn lợi và xây dựng cơ sở khoa học cho các chính sách phát triển nghề cá.

Dự án có sự phối hợp tham gia của nhiều cán bộ khoa học ở các cơ quan ngoài ngành.

- **53 DOANH NGHIỆP VIỆT NAM CÓ TÊN TRONG DANH SÁCH ĐĂNG KÍ XUẤT KHẨU HÀNG THỦY SẢN VÀO EU**, theo báo cáo của Trung tâm kiểm tra chất lượng và vệ sinh Thủy sản thì chỉ có khoảng 50-55% tổng số doanh nghiệp trên đạt tiêu chuẩn cơ bản xuất hàng vào EU 6 tháng đầu năm 1997. Để có được danh sách chính thức, các doanh nghiệp này từ nay đến trước 30/5/1997 phải nâng cấp thật tích cực và tổ chức việc sửa chữa các lỗi.

Cũng theo báo cáo trên, trong tháng 2/1997, thanh tra an toàn và vệ sinh thực phẩm của EU đã

khảo sát 7 doanh nghiệp chế biến thủy sản của Việt Nam xuất hàng vào EU, chỉ có 4 doanh nghiệp, chiếm 57% có thể tiếp tục để tên trong danh sách xuất hàng vào EU, đó là Xí nghiệp Cofidex, Công ti XNK thủy sản Thuận Phước, Xí nghiệp tư doanh sông Tiền II, Phân xưởng đồ hộp của Công ti Seasprimex..

Với tỉ lệ đạt trên, thanh tra của EU cho rằng Việt Nam ở mức khá so với các nước trong khu vực (Nhật Bản 12,5%, Indônêxia 10%, Ấn Độ 16,5%...).

- **CHI CỤC BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN THỪA THIÊN - HUẾ** phối hợp với công an đường sông huyện Phú Vang đã kiểm tra bắt giữ nhiều đối tượng dùng điện đánh bắt thủy sản, hủy diệt môi trường nguồn lợi thủy sản. Chỉ trong đêm 7/3 vừa qua đã bắt giữ 8 đối tượng, tịch thu toàn bộ tang vật kể cả xuống làm phương tiện đánh bắt thủy sản trên sông.

Được biết trong thời gian đến, các lực lượng trên tiếp tục kiểm tra, sẽ tiến hành thụ lý hồ sơ truy tố một số đối tượng vi phạm và có biện pháp giáo dục để mọi người tôn trọng và chấp hành Pháp lệnh BV và PTNLTS.

- **TÔM NUÔI BỊ CHẾT Ở CÁC TỈNH MIỀN TRUNG** từ Cam Ranh (Khánh Hòa) đến Núi Thành (Đà Nẵng) từ tháng 11/1996 đến nay có dấu hiệu bệnh lí phồng đuôi, đốm trắng. Theo báo cáo của Cục BVNLTS tôm bị bệnh chỉ xuất hiện ở tôm nuôi từ 1 đến 2 tháng tuổi, không thấy ở tôm giống. Kết quả phân tích bệnh lí của Trường đại học Thủy sản cho thấy, bệnh do virus *Baculovirus* gây ra, Nguyên nhân gây bệnh chủ yếu do nguồn nước lấy vào ao nuôi không được xử lí, do thức ăn và qua vật chủ trung gian.

Để ngăn ngừa bệnh lây lan, Cục BVNLTS đã hướng dẫn các chi cục phối hợp với các cơ quan khuyến ngư địa phương hướng dẫn cho dân về phương pháp phòng trị bệnh, tạm ngừng thả giống khi chưa có phương pháp phòng chống lây lan bệnh

- **NGĂN CHẶN NGAY VIỆC DÙNG ĐIỆN ĐÁNH CÁ TRÊN SÔNG**, đó là lời kêu cứu của bà con ngư dân đánh cá trên sông thuộc 2 xã Thụy Phương (Tứ Liêm) và Thanh Trì (Thanh Trì) gửi các cơ quan chức năng của thành phố Hà Nội và Bộ Thủy sản.

Theo đơn, riêng xã Thụy Phương có tới 20 gia đình dùng điện đánh cá nhưng không được ngăn chặn. Ở Thanh Trì, việc dùng điện đánh cá phát triển khá nhanh từ giấu giếm đến công khai.

Việc dùng điện đánh cá tác hại ai cũng thấy rõ.

Nhà nước đã có văn bản cấm và hướng dẫn việc xử phạt. Đề nghị các cơ quan chức năng của Hà Nội và 2 huyện trên có giải pháp kịp thời.

- Sản xuất tôm giống - một nghề mới ra đời tại **PHƯỜNG PHƯỚC MỸ** - một phường ven biển của quận Tân Trà, Đà Nẵng. Năm 1995 mới có 7 trại, năm 1996 tăng lên 25 trại, sản xuất được 36 triệu con đã xuất bán cho người nuôi tôm ở huyện Núi Thành và vươn đến thị trường Cà Mau, Bạc Liêu. Năm 1997 một số trại mới tiếp tục được xây dựng. Điển hình là gia đình kỹ sư Lê Văn Nam. Năm 1995 anh đầu tư 110 triệu đồng làm trại sản xuất tôm giống, năm 1996 sản xuất được 11 triệu con, đạt doanh thu 400 triệu đồng.

Từ thực tế sản xuất tôm giống ở Phước Mỹ, phong trào tuy phát triển nhưng còn tự phát, thiếu qui hoạch, đa phần các nhà sản xuất tôm giống chưa có các biện pháp xử lý nước thải, vấn đề vệ sinh môi trường đang được đặt ra. Mong chính quyền địa phương và các ngành liên quan chỉ đạo để phong trào nuôi tôm ở Phước Mỹ phát triển một cách vững chắc.

- **TỈNH NAM ĐỊNH** đã phê duyệt dự án xin vay vốn ưu đãi đầu tư phát triển tàu đánh cá khơi với công suất từ 300CV đến 475CV/chiếc, tổng mức vốn đầu tư là 32.110 triệu đồng. Trong đó, vốn ưu đãi 29.200 triệu đồng, vốn tự có 2.910 triệu đồng cho 8 đơn vị, trong đó có 1 quốc doanh và 7 HTX nghề cá. Các doanh nghiệp được phê duyệt đầu tư này đều là những đơn vị có kinh nghiệm, truyền thống nghề cá và đứng trụ vững trong cơ chế mới.

- **CÔNG TI LANDELL MILLS LIMITED** (Anh) là đơn vị trúng thầu tư vấn dự án "Khôi phục và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nghề cá Việt Nam", với giá trị là 1.703.220 USD. Ngày 19/2/1997, theo đề nghị của Bộ Thủy sản và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chính phủ đã chuẩn y, chấp nhận công ti này được ký hợp đồng với các cơ quan của Việt Nam để thực hiện tư vấn dự án.

- **CÁ RÔ PHI DÒNG GIFT NHẬP VÀO VIỆT NAM CÓ TÍNH ƯU VIỆT CAO**, đó là kết luận của Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I.

Từ những kết quả thí nghiệm về ương cá rô phi giống trong giai và nuôi cá thương phẩm trong ao của 4 dòng rô phi: *O. niloticus* dòng Đài Loan, dòng Thái Lan - AIT, dòng GIFT và dòng EGYPT từ Philippin cho thấy dòng GIFT có sức tăng trưởng cao, việc dùng dòng này để nuôi thành cá thịt sẽ góp phần tăng năng suất và sản lượng cá ao một cách đáng kể.

- Để nâng cao năng suất đánh bắt, đầu tháng 3 vừa qua, **XÍ NGHIỆP KHAI THÁC BÌNH THUẬN** đã lắp thử nghiệm máy dò cá SONARJFP- 101 của hãng JRC (Nhật Bản) trên tàu lưới vây, máy này có khả năng phát hiện đàn cá ở các tầng nước với bán kính 2000 - 3000m.

Ngay trong chuyến biển đầu tiên, sau 3 mẻ lưới tại vùng biển đông nam đảo Phú Quý đã thu được 24 tấn cá gồm cá thu, ngừ, song và cá trác.

• TUYỂN SINH CHÍNH QUI NĂM 1997

I. Hệ Đại học

1. Đại học Thủy sản

- Hệ đại học tuyển 1.600 học sinh các ngành: khai thác hải sản, nuôi trồng thủy sản, cơ khí tàu thuyền, cơ khí động lực, công nghệ chế biến, kinh tế thủy sản, quản trị kinh doanh, cử nhân tin học.

- Hệ cao đẳng tuyển 200 học sinh các ngành như trên, thêm ngành cơ điện lạnh.

2. Đại học Nông Lâm thuộc Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh: Tuyển 307 học sinh ngành nuôi trồng thủy sản.

3. Đại học Nông nghiệp I: Tuyển 305 học sinh ngành nuôi trồng thủy sản

3. Đại học Nông Lâm thuộc Đại học Huế: Tuyển 627 học sinh ngành nuôi trồng thủy sản.

II. Hệ trung học và công nhân, dạy nghề

1. Trung học kỹ thuật thủy sản I

- Tuyển 270 học sinh trung học các ngành: cơ điện lạnh, vận hành máy tàu, chế biến thủy sản, khai thác hàng hải thủy sản.

- Tuyển 200 học sinh đào tạo công nhân: thủy thủ tàu đánh cá biển, máy tàu - máy lạnh - điện tàu thủy

2. Trung học thủy sản IV

- Tuyển 260 học sinh trung học các ngành: nuôi trồng thủy sản, hạch toán kế toán.

- Tuyển 170 học sinh học nghề nuôi trồng thủy sản.

3. Trung học kỹ thuật và nghiệp vụ thủy sản II

- Tuyển 270 học sinh trung học các ngành: chế biến và bảo quản thủy sản, khai thác hàng hải thủy sản, vận hành máy tàu, cơ điện lạnh, hạch toán - kế toán, nuôi trồng thủy sản, tin học.

- Tuyển 180 học sinh học nghề thủy thủ tàu đánh cá biển, máy tàu - máy lạnh, chế biến thủy sản.

- **CHỐNG THẤM, CHỐNG GỈ** cho các công trình, thiết bị thủy sản là đề tài nghiên cứu thử nghiệm của nhóm cán bộ KHKT trong và ngoài ngành thực hiện thành công từ năm 1992 với thành phần chủ yếu là foocmica lỏng đề tài trên đã được Công ti cơ khí và tàu thuyền thủy sản ứng dụng có hiệu quả như việc chống thấm cho trên 13.000 tàu thuộc các cơ sở chế biến nước mắm, bể nuôi tôm ở

các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, tp. Hải Phòng. Chống rêu mốc trên 2 vạn m² tường, nền nhà cho Xi nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản Xuân Thủy (Nam Định), khánh sạm TƯ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (Hà Nội) và nhiều công trình dân dụng khác. Chống gỉ, chống thấm cho hàng chục tàu thuyền vỏ thép, vỏ gỗ ở Xi nghiệp đóng tàu thuyền Đồng Hới (Quảng Bình) và Xi nghiệp tàu thuyền Sông Đào (Nam Định)....

Những tháng đầu năm 1997, Công ti đã và đang triển khai kí hợp đồng để chống thấm 3000 tấn bể sản xuất nước mắm ở Cửa Hội (Nghệ An), chống thấm, bảo vệ các thiết bị đường ống thoát khí kim loại của tập đoàn DAEWOO thuộc khu công nghiệp Sài Đồng và chống thấm, rêu một số bể bơi.

• Trong 2 ngày 28, 29/3/1997, **ĐẢNG ỦY CƠ QUAN BỘ THỦY SẢN MỞ LỚP HỌC TẬP NGHỊ QUYẾT VIII VÀ NGHỊ QUYẾT TƯ II** (khóa VIII) của Đảng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng thuộc các đơn vị sinh hoạt tại Đảng bộ. Các học viên tham gia lớp học được quán triệt 2 nghị quyết nói trên, nắm vững chương trình hành động của ngành về xây dựng thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước theo tinh thần Nghị quyết VIII, chương trình khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực của ngành theo tinh thần Nghị quyết TƯ II.

• Bộ Thủy sản đã **THÀNH LẬP BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG BẢO LỤT** theo QĐ số 114/QĐ/TCCB - LĐ ngày 14/3/1997 của Bộ trưởng Thủy sản do Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng làm trưởng ban. Phó vụ trưởng Vụ Nghề cá Nguyễn Văn Châu là phó ban thường trực, Chánh văn phòng Ngô Sỹ Hoành và Q.Cục trưởng Cục BVNLTS Đào Văn Thiện là phó ban. Các ủy viên gồm: Q.Vụ trưởng Vụ Tài chính - kế toán Trần Đóa, Vụ phó Vụ KH-ĐT Nguyễn Hữu Khương, Tổng giám đốc Seaproduct Việt Nam Lê Văn Phát, TGD Công ti Biển Đông Phạm Ngọc Hòa, TGD XNLHTS Hạ Long Nguyễn Quang Tuệ, Phó chủ tịch CĐTSVN Đoàn Trọng Loan, giám đốc các Sở Thủy sản Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Thuận và ông Nguyễn Văn Lâm, chuyên viên Văn phòng Bộ.

Ban có nhiệm vụ tham mưu lập kế hoạch phòng chống bảo lụt trong toàn ngành; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc phòng chống bảo lụt ở các địa phương, đơn vị; phối hợp với các ngành, cơ quan hữu quan làm tốt công tác này...

*Tin của Hà Trung, Hoàng Hà,
Minh Phương, CTV*

(Tiếp trang 30)

Trích Chỉ thị số 04/CTP ngày 8/3/1997 của Bộ Thủy sản về phòng chống bảo lụt, giảm nhẹ thiên tai và bảo đảm an toàn cho người, phương tiện nghề cá

... Do thiên tai, trong những năm gần đây đã xảy ra các tổn thất đáng tiếc về người và tài sản. Tổn thất trên có nguyên nhân do chấp hành các qui định của Nhà nước chưa nghiêm túc; thiếu kiểm tra, đôn đốc và chưa có các biện pháp kiên quyết và hữu hiệu.

... Để hạn chế thấp nhất tổn thất do thiên tai gây ra, Bộ yêu cầu các cơ quan giúp việc của Bộ phải rà soát ngay các văn bản pháp qui để sửa đổi, bổ sung và bảo đảm an toàn cho người và phương tiện hoạt động nghề cá. Xây dựng sớm đề án tổng thể về phòng chống bảo lụt, phối hợp với các tổ chức tập huấn cho ngư dân về kiến thức phòng chống bảo lụt; phối hợp với các cơ quan chức năng để tổ chức tốt việc thông tin liên lạc, bảo đảm an toàn hàng hải, cứu nạn cứu hộ; đề xuất chính sách, khuyến khích mua bảo hiểm thân tàu và thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành các qui định về an toàn. Tàu thuyền không đủ các điều kiện an toàn dứt khoát không cho đi biển.

Với các địa phương, đơn vị cần sớm tổ chức rút kinh nghiệm, xây dựng phương án phòng chống bảo lụt năm 1997. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm địa phương tổ chức bắt buộc người đi biển mua bảo hiểm thuyền viên, khuyến khích mua bảo hiểm thân tàu và thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành các qui định về an toàn. Tàu thuyền không đủ các điều kiện an toàn dứt khoát không cho đi biển.

Trích Thông tư số 03 TT/TCCB-LĐ ngày 19/8/1996 của Bộ Thủy sản phân công thực hiện việc quản lí Nhà nước về chất lượng hàng hóa thủy sản

1. Vụ KH-CN là cơ quan đầu mối làm tham mưu cho Bộ thống nhất quản lí Nhà nước về chất lượng hàng hóa thủy sản (CLHHTS) trên phạm vi cả nước, cụ thể là:

- Xây dựng chương trình mục tiêu về nâng cao CLHHTS cho từng thời kì và các chính sách cụ thể để đạt được các mục tiêu đó.

- Nghiên cứu xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình nâng cao chất lượng hàng hóa, theo dõi kiểm tra, định kì báo cáo công tác quản lí CLHHTS trình Bộ và gửi cho Bộ KH-CN và MT để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

- Tổ chức xây dựng các văn bản hướng dẫn, các qui định về bảo đảm và kiểm soát CLHHTS thuộc phạm vi quản lí của Bộ, kiểm tra việc chấp hành các qui định đó từ khâu định hướng sản xuất, đến sản xuất ra sản phẩm tiêu thụ trên thị trường nội địa và xuất nhập khẩu.

2. Cục BVNLTS tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được qui định trong thông tư này đối với hàng hóa là các loại giống thủy sản, động vật, thực vật thủy sản sống, thức ăn cho nuôi thủy sản, thuốc dùng cho động vật, thực vật thủy sản, lưới, dụng cụ đánh cá.

3. Trung tâm KTCL và VSTS tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được qui định trong thông tư này đối với các hàng hóa là sản phẩm động vật và thực vật thủy sản dùng làm thực phẩm.

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 1996

VÀ MỤC TIÊU NĂM 1997 CỦA CÔNG ĐOÀN NGÀNH THỦY SẢN

Từ 25-26/2/1997 tại Phan Thiết, Bình Thuận, Ban chấp hành Công đoàn Thủy sản Việt Nam (CĐTSVN) đã tổ chức Hội nghị tổng kết năm 1996 và xác định mục tiêu hoạt động năm 1997. Chủ tịch CĐTSVN Nguyễn Thị Hồng Minh, chủ trì hội nghị.

Hội nghị nhận định, năm 1996 bão lụt, thiên tai liên tiếp xảy ra và nhiều khó khăn khác nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của lao động nghề cá cả nước, toàn ngành vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng, sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển, tạo ra nhân tố mới để bảo đảm sự ổn định và phát triển vững chắc.

Với thắng lợi trên, sự đóng góp của CĐTSVN là tích cực và rõ nét. Các mặt hoạt động của CĐTSVN sôi nổi, nổi bật là công tác tuyên truyền thi đua hướng về Đại hội Đảng các cấp, kỉ niệm 35 năm thành lập ngành; công tác tổ chức cán

bộ; hoạt động xã hội như việc chủ động phối hợp với Hội Nghề cá Việt Nam, Hội Nuôi thủy sản Việt Nam tham mưu cho Bộ thành lập Quỹ nhân đạo Nghề cá Việt Nam.

Bên cạnh những mặt làm được, Hội nghị nhận thấy còn những tồn tại trong công tác tổ chức cán bộ; trong tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua, khen thưởng và trong công tác thông tin, báo c

Về mục tiêu năm 1997, Hội nghị xác định: động viên công nhân lao động toàn ngành phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành, tuyên truyền, giáo dục xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân, lao động thủy sản lớn mạnh về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu của thời kì CNH, HĐH. Xây dựng tổ chức CĐTSVN vững mạnh, làm tròn vai trò là tổ chức của giai cấp công nhân và lao động nghề cá.

VÌ SAO

công đoàn ngoài quốc doanh ngành thủy sản phát triển chậm ?

Nghề cá Việt Nam là nghề cá nhân dân vì vậy sản lượng thủy sản thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chiếm tỉ trọng khá cao - trên 90%/năm. Theo thống kê chưa đầy đủ của 28 địa phương trong cả nước, trong đó 25 địa phương có biển (số liệu tháng 6/1996), số lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước của trung ương và địa phương là 75.950 người, trong các doanh nghiệp theo Luật Công ti 126.500 người, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài 1.320 người, HTX nghề cá 12.200 người, hộ gia đình 1.566.000 người. Từ số liệu thống kê trên ta thấy, lao động làm việc tại khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chiếm tỉ trọng lớn.

Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động, việc phát triển CĐNQD ngành thủy sản là vấn đề đã và đang được đặt ra.

Nghị quyết Đại hội lần thứ I CĐTSVN đã xác định: "Phát huy ảnh hưởng của CĐTSVN tới tất cả những người lao động thủy sản,... các địa phương có doanh nghiệp thủy sản ngoài quốc doanh đều thành lập công đoàn (CD) cơ sở hoặc nghiệp đoàn".

Sau 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, đến nay đã có 37 CĐNQD được thành lập, tính có số CĐNQD nhiều là Ninh Thuận: 4, Bình Thuận: 3, Hải

phòng: 2, Số lượng công nhân lao động tham gia tổ chức CD trong những đơn vị CĐNQD cao, có đơn vị đạt 100% như CD Công ti TNHH nước mắm Việt Hưng Hải (tp Hồ Chí Minh).

Từ tình hình trên ta thấy việc phát triển CĐNQD trong ngành thời gian qua là đúng hướng, lấy đơn vị sản xuất cố định, đơn vị dễ xảy ra tranh chấp lao động để phát triển là những đơn vị chế biến thủy sản.

Hoạt động CĐNQD trong lĩnh vực này có hiệu quả, lao động luôn có việc làm, quyền lợi người lao động được bảo đảm, không có tranh chấp lao động, đời sống cán bộ công nhân viên không ngừng nâng cao. Nhiều CD năm 1996 được xếp loại vững mạnh. Các CĐNQD ở nhiều địa phương như Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hải Phòng... không có đơn vị yếu kém. Điển hình như CD Công ti TNHH Hải Nam (Bình Thuận) lúc mới thành lập 8/1994 có 25 đoàn viên CD đến nay có 376 đoàn viên, chiếm trên 84% lao động toàn Công ti, CD đã góp phần xây dựng Công ti là đơn vị mạnh của tỉnh, đời sống không ngừng được cải thiện, thu nhập bình quân tháng, năm 1994 là 350.000đ, 1995 là 420.000đ và năm 1996 lên 500.000đ, ngoài ra lao động không phải trả tiền bữa

ăn trua. **CD** Công ti TNHH Kim Anh (Sóc Trăng) với sự tham gia của **CD**, sản xuất luôn phát triển, năm 1996 doanh số đạt trên 10 triệu USD, công nhân luôn bảo đảm việc làm, các nội dung của Bộ luật Lao động ở đơn vị này được thực hiện nghiêm chỉnh. **CD** HTX nuôi thủy sản Quảng Chính, huyện Quảng Xương (Thanh Hoá) đã góp phần cùng ban quản lí HTX chọn hướng sản xuất đúng, đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, cải thiện được đời sống xã viên và người lao động...

Bên cạnh những mặt làm được, việc phát triển **CDNQD** trong ngành thời gian qua còn chậm, số lượng quá ít, theo thống kê chưa thật đầy đủ của 28 tỉnh thành mới có 37 **CD** với 3.576 đoàn viên. Việc phát triển **CDNQD** mới chỉ tập trung ở doanh nghiệp chế biến, các doanh nghiệp khai thác hải sản, nuôi trồng thủy sản, hậu cần dịch vụ nghề cá chưa được quan tâm chỉ đạo để phát triển. Nhiều địa phương có số doanh nghiệp và lao động ngoài quốc doanh khá lớn như Minh Hải, Quảng Nam - Đà Nẵng, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Nghệ An... chưa thành lập được **CDNQD**.

Có những tồn tại trên, theo chúng tôi có nguyên nhân về nhận thức, không ít các tổ chức Đảng, **CD** chưa thấy rõ tầm quan trọng và sự cần thiết của việc thành lập **CDNQD**. Sự phân công trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm của **CD** ngành toàn quốc với liên đoàn lao động địa phương; **CD** ngành địa phương với **CD** huyện, thị. Những tỉnh không có **CD** ngành thủy sản, địa phương ít ngó ngàng tới công việc này, ngoài ra phải kể đến những khó khăn ban đầu về tài chính, điều kiện hoạt động chưa được tháo gỡ, quyền lợi và nghĩa vụ của các tổ chức **CDNQD**...

Với tính chất của lao động thủy sản ở các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến, nhất là ở các HTX, tập đoàn sản xuất nghề cá, các làng cá ven biển việc tổ chức nghiệp đoàn là phù hợp nhưng chưa có địa phương nào tổ chức được.

Việc phát triển **CDNQD**, chúng tôi cho rằng là nhiệm vụ quan trọng của **CD** ngành thủy sản trong giai đoạn hiện nay và sau này.

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I của **CDTSVN** tất cả các tỉnh ven biển cần phải

thành lập được **CD** cơ sở hoặc nghiệp đoàn lao động ngoài quốc doanh thủy sản. Phấn đấu đến năm 2000, tất cả các doanh nghiệp có từ 10 lao động trở lên đều có **CD**, các vùng tập trung ngư dân có các nghiệp đoàn nghề cá.

Để thực hiện mục tiêu, trên, các **CD** địa phương cần làm tốt các nội dung:

- Ra sức tuyên truyền, vận động để các cấp **CD** và người lao động nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển **CDNQD**; làm cho công nhân lao động, chủ doanh nghiệp hiểu biết về tổ chức **CD**, tự nguyện xây dựng tổ chức **CD** và tạo điều kiện cho **CD** hoạt động.

- Các tỉnh chưa có ban vận động xây dựng **CDNQD** cần khẩn trương thành lập, các tỉnh đã có ban vận động cần củng cố để ban làm tốt vai trò, chức năng của mình như những qui định tại Thông tư 09 TT/**CD** của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam (TLĐLĐVN).

- Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ **CD**, cho đại diện người lao động, cho những công nhân xuất sắc, tích cực trong các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh về chủ trương, đường lối của Đảng, luật pháp, các chính sách của Nhà nước đối với người lao động; chủ trương của TLĐLĐVN về phát triển **CD**, các qui định hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của **CD**, nghiệp đoàn ngoài quốc doanh.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các điển hình tiên tiến, định kì sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong việc tổ chức, chỉ đạo việc phát triển **CDNQD**.

Đề nghị TLĐLĐVN cần qui định rõ hơn trách nhiệm của các **CD** trong việc phát triển **CDNQD**, nhất là giữa **CD** thủy sản tỉnh thành với **CD** huyện, thị và có qui định, tạo điều kiện về vật chất cho việc phát triển **CDNQD**.

Với các tỉnh, thành phố chưa có **CD** thủy sản địa phương cần khẩn trương thành lập theo qui định của Điều lệ **CD** Thủy sản Việt Nam, đồng thời, cần cử đặc thù của ngành thủy sản giao có trách nhiệm về việc vận động, thành lập và chỉ đạo **CDNQD** thủy sản, xây dựng mối quan hệ giữa **CDTS** địa phương với **CD** huyện thị.

KỈ NIỆM NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8/3 VÀ KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG

Ngày 8/3/1997, tại Hà Nội, Công đoàn Thủy sản Việt Nam (**CDTSVN**) đã tổ chức lễ kỉ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và Khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Trong diễn văn đọc tại buổi lễ, chủ tịch **CDTSVN** Nguyễn Thị Hồng Minh đã ôn lại lịch sử ngày 8/3 và Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, đánh giá phong trào nữ công nhân lao động trong ngành năm qua đã có nhiều tiến bộ, phát huy được vai trò trong mọi lĩnh vực của

ngành, chất lượng đội ngũ nữ công nhân lao động có những bước phát triển mới. Phong trào công đoàn "giỏi việc nước, đảm việc nhà" đã xuất hiện nhiều tập thể cá nhân xuất sắc, phong trào học tập nâng cao trình độ nhiều chị em tham gia, hoạt động xã hội trong nữ công nhân viên chức phát triển rộng rãi.

Để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ trong ngành, năm qua ban nữ công các cấp đã có nhiều đề xuất với

lãnh đạo thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến lao động nữ, đặc biệt Ban Nữ công CĐTSVN đã có những khảo sát, kiến nghị các cơ quan chức năng có những chính sách với lao động nữ trong chế biến và nuôi trồng thủy sản.

Bí thư Ban Cán sự, Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang Ngọc đã đến dự và biểu dương công nhân lao động nữ trong toàn ngành đã góp phần xứng đáng vào thành tích chung của ngành và mong có sự đóng góp ngày càng to lớn hơn.

KHEN THƯỞNG CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

1. Tặng cờ Công đoàn cơ sở vững mạnh, xuất sắc nhất năm 1996

Cờ của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam:

- Công đoàn Công ti đồ hộp Hạ Long
- Công đoàn Công ti chế biến bột cá xuất khẩu

Kiên Giang

Cờ của Công đoàn Thủy sản Việt Nam:

- Công đoàn ngành thủy sản Sóc Trăng
- Công đoàn Viện nghiên cứu hải sản

2. Bằng khen các loại

Ngoài phần thưởng trên, TLĐLĐVN còn tặng bằng khen cho một cá nhân và CĐTSVN tặng bằng khen cho 35 tập thể và 76 cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm 1996.

QUỸ NHÂN ĐẠO NGHỀ CÁ TĂNG 234%

Trong đợt quyên góp đầu tiên (4/1/1997), có 34 tập thể và 85 cá nhân ủng hộ Quỹ nhân đạo Nghề cá Việt Nam với tổng số tiền là 114,651 triệu đồng (xem *Tạp chí Thủy sản số 1/1997, trang 30*). Đến ngày 14/3/1997 đã có thêm 26 đơn vị, cá nhân gửi tiền ủng hộ Quỹ, nâng tổng số tiền lên 268,057 triệu đồng và 550 USD, tăng 234% so với số tiền ủng hộ đợt đầu.

Đơn vị, cá nhân ủng hộ cao đợt 2 có Chi nhánh kiểm tra chất lượng và vệ sinh Thủy sản IV: 3 triệu đồng, Chi cục BVNLTS III: 2 triệu đồng, Công đoàn

Seaprodex: 2 triệu đồng. Các ông: Lê Văn Phát - Tổng giám đốc Seaprodex Việt Nam, Kiều Văn Quơ - Giám đốc Công ti TCCP Seaprodex, mỗi ông 500 ngàn đồng, Nguyễn Đình Hương: 200 ngàn đồng, các ông, bà: Nguyễn Thị Hồng Minh - Chủ tịch CĐTSVN (lần 2), Hồng Tiến, Việt Bắc - Văn phòng Seaprodex Việt Nam, Phạm Thị Tâm - Công ti TCCP Seaprodex, Trần Hữu Thọ - Xí nghiệp mặt hàng mới, Trần Khải - Công ti thủy sản III, Lê Chí Dũng, Bùi Mạnh Cường mỗi người ủng hộ 100 ngàn đồng.

ĐẤU BÓNG ĐÁ MI NI

CHÀO MỪNG NGÀY TRUYỀN THỐNG

Tại Nha Trang, Khánh Hòa, từ 13 đến 20/3/1997, Công đoàn Thủy sản Việt Nam đã tổ chức thi đấu bóng đá mi ni của CNLĐ trong ngành chào mừng ngày Truyền thống nghề cá Việt Nam.

Tham dự có 9 đội thuộc các địa phương và đơn vị trực thuộc Bộ từ Nghệ An đến tp Hồ Chí Minh. Các trận thi đấu diễn ra sôi nổi, nhiệt tình, đoàn kết và đã thành công tốt đẹp. Kết quả:

Vô địch, giành cúp luân lưu và 1,5 triệu đồng tiền thưởng: **Đội Xí nghiệp chế biến XNKTS Nha Trang**, đại diện cho CĐTS Khánh Hòa.

Giải nhì, được tặng cờ và 1 triệu đồng tiền thưởng: **Đội Seaprodex Việt Nam**.

Giải ba, 500 ngàn đồng tiền thưởng: **Đội Công ti TNHH Hồng Long, Nha Trang**.

Giải phong cách, được tặng cờ và 500 ngàn đồng tiền thưởng: **Đội Trung tâm nghiên cứu thủy sản III**.

Cầu thủ ghi nhiều bàn thắng: Trần Văn Hiếu - **Đội Seaprodex Việt Nam** và Lê Văn Hiệp - **Đội Công ti XNKTS Nha Trang**; Thủ môn xuất sắc nhất: Nguyễn Văn Dũng - **Đội Seaprodex Việt Nam**.

Ngoài ra Ban tổ chức giải **biểu dương** Công đoàn ngành thủy sản Khánh Hòa, đơn vị đăng cai có nhiều thành tích chuẩn bị và tổ chức giải; **Đội HTX đánh cá Vạn Xuân - Nghệ An** khắc phục nhiều khó khăn để tham gia giải.

Trang Hoạt động Công đoàn có sự tham gia của Văn phòng CĐTSVN.

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

Trích Chỉ thị số 39/TTg ngày 18/1/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển

....1. Bộ Thủy sản tiến hành ngay một số công việc sau đây:

- Rà soát lại các qui định hiện hành, sửa đổi, bổ sung các qui định cụ thể về trang bị an toàn và cứu nạn cho người và tàu thuyền hoạt động nghề cá như phao cứu sinh, dụng cụ cứu hỏa, phương tiện thông tin..., phù hợp với từng vùng nước, từng loại tàu thuyền và khả năng vốn của ngư dân, bảo đảm tất cả mọi phương tiện đánh bắt thủy sản phải có các phương tiện an toàn tối thiểu khi đi biển.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện ngắn ngày để hướng dẫn ngư dân các kiến thức cần thiết về trang bị và sử dụng phương tiện an toàn, cứu nạn; sản xuất đủ và cung ứng kịp thời các trang bị an toàn, cứu nạn cho ngư dân.

- Xây dựng đề án tổng thể về phòng chống lụt bão của ngành và qui định cụ thể các nơi cư trú, neo đậu tàu thuyền, nơi sơ tán dân ở từng vùng, từng địa phương.

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức việc đăng ký và cấp giấy phép hoạt động nghề cá cho các tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản có đủ trang bị an toàn, cứu nạn.

- Tổ chức các Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn người và tàu thuyền đánh bắt hải sản trên biển ở từng khu vực theo quyết định số 780/TTg ngày 23/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ, phối hợp với Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn trên không và trên biển cùng các ngành có liên quan tìm kiếm, cứu nạn kịp thời ngư dân khi có tai nạn xảy ra.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tuyên truyền giáo dục cho ngư dân và các chủ phương tiện hoạt động nghề cá hiểu rõ lợi ích và tầm quan trọng của việc trang bị đầy đủ các phương tiện cứu hộ, để họ tự giác chấp hành các qui định của Nhà nước. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành của ngư dân đối với công việc này. Trường hợp không đủ các điều kiện an toàn như qui định thì dứt khoát không được để cho ngư dân ra khơi và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải chịu trách nhiệm về việc để ngư dân bị chết do thiếu các phương tiện an toàn theo qui định.

3. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với các Bộ: Thủy sản, Quốc phòng tổ chức mạng thông tin liên lạc và hệ thống bảo đảm an toàn hàng hải (đèn biển, phao bơi, cột tiêu...) trên các tuyến sông, biển.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc gia tìm kiếm - cứu nạn trên không và trên biển qui định thời gian và cách thức tổ chức bắn pháo hiệu báo bão, cứu nạn người và tàu thuyền khi gặp nạn.

5. Bộ Tài chính cùng với Bộ Thủy sản nghiên cứu đề xuất chính sách và các biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích ngư dân mua sắm các trang bị an toàn, cứu nạn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong quý I năm 1997; Chỉ đạo các cơ quan bảo hiểm tổ chức cho ngư dân mua bảo hiểm thuyền viên theo yêu cầu bắt buộc và khuyến khích mua bảo hiểm thân tàu.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét phân bổ kế hoạch tài chính hàng năm cho ngành thủy sản, Quốc phòng, Nội vụ, Giao thông vận tải để làm tốt công tác phòng ngừa và cứu nạn cho người và phương tiện nghề cá.

7. Ban chỉ đạo phòng, chống lụt bão trung ương phối hợp chặt chẽ với Bộ Thủy sản, Tổng cục Khí tượng - Thủy văn, Tổng cục Bưu điện và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các phương tiện thông tin đại chúng có biện pháp và hình thức thông tin, thông báo kịp thời tình hình thời tiết bất thường nhất là trong mùa mưa bão cho ngư dân biết để chủ động ra khơi, phòng tránh tai nạn xảy ra khi đang đánh bắt hải sản trên biển.

8. Ủy ban Quốc gia tìm kiếm - cứu nạn trên không và trên biển chỉ đạo Bộ Thủy sản và các Bộ ngành có liên quan, phối hợp, tổ chức kịp thời việc cứu nạn cho ngư dân và các phương tiện hoạt động nghề cá khi có tai nạn xảy ra.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các Bộ, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi trách nhiệm của mình cần khẩn trương tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc chỉ thị này và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(xem tiếp trang 26)

SEAPRODEX VIỆT NAM PHẤN ĐẦU NĂM 1997 ĐẠT GIÁ TRỊ KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU 240 TRIỆU USD

Kết thúc năm 1996, Seaprodex Việt Nam đạt giá trị kim ngạch XNK 235 triệu USD, trong đó xuất khẩu 124 triệu USD và nhập khẩu 111 triệu USD. Thành quả đạt được tuy còn khiêm tốn nhưng rất cơ bản.

Năm 1997, Seaprodex Việt Nam phấn đấu đạt giá trị kim ngạch XNK 240 triệu USD tăng 3% so với năm 1996, chế biến thủy sản đạt 100 triệu USD tăng 4% so với năm 1996.

Để vươn lên trở thành một Tổng công ti mạnh, giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt trong hệ thống sản xuất kinh doanh của ngành thủy sản, định hướng lớn trong năm 1997 của Seaprodex Việt Nam là:

- Về tài chính: huy động và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn vốn của Tổng công ti, các đơn vị thành viên và của xã hội.

- Về tổ chức: tập trung qui hoạch hoàn chỉnh 8 trung tâm sản xuất chế biến với công nghệ tiên tiến để làm nòng cốt cho từng khu vực và lĩnh vực, đặt tại: XN Mặt hàng mới, Công ti thủy đặc sản, XN kho vận, XN đông lạnh số 6 (tp.Hồ Chí Minh), Seaprodex Minh Hải, Seaprodex Đà Nẵng, Seaprodex Hà Nội và Công ti đồ hộp Hạ Long (Hải Phòng).

Bên cạnh đó, bằng những bước đi thích hợp để tiếp cận với công nghệ chế biến hiện đại, trước mắt ở những khu vực sản xuất chế biến tập trung và vùng nguyên liệu lớn. Có chiến lược mặt hàng trong đó chú trọng mặt hàng cao cấp để đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Phương Nam

SUMMARIES

MATURATION AND ARTIFICIAL REPRODUCTION OF *PANGASIU PANGASIU*

Eng. Nguyen Tuan

Pangasius pangasius brood stocks cultured in rafts on ponds are matured.

Feeds should contain 30 - 40% of protein. At the initial stage feed portion is 4% of the fish weight and later on it reduces to 2%.

Using brain or HCG for spawning stimulation preliminary doze of 500 UI HCG or 0.5 mg brain/kg female fish. Decisive doze of 2000 - 3000 HCG/kg female fish.

THE INFLUENCE OF COLCHICINE AND LASER HE - NE ON THE PHYSIOLOGICAL AND BIOCHEMICAL CHARACTERISTICS ON *GRACILARIA TENUISTIPITATA* LIU.

Prof. Dr. Truong Van Lung, Ms. Pham Vinh

Soaking *Gracilaria* into colchicine at concentration of 0,2% in 42 hours or flashing laser He-Ne intensity 100 lux to *Gracilaria* in 10 minutes can increase the yield and quality of *Gracilaria*.

Tạp chí Thủy sản

Xuất bản 2 tháng 1 kì

Số 2 (59) tháng 3 - 4/1997

Fisheries review

Bimonthly

Nº 2 (59) Mar. - Apr. / 1997

TRONG SỐ NÀY

- Tiến ra khai thác hải sản vùng biển khơi - một đòi hỏi bức xúc của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
Nguyễn Tấn Dũng
- Những vấn đề đặt ra cho công tác nghiên cứu nguồn lợi hải sản
Hoàng Hà
- Công ti đồ hộp Hạ Long phấn đấu thực hiện lời Bác dạy
Hạ Long

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

- Nuôi vỗ và sinh sản nhân tạo cá basa
Nguyễn Tuấn
- Tác động của colchicine và tia laser đến quá trình sinh lí sinh hóa của *Gracilaria tenuistipitata* Liu.
Trương Văn Lung, Phạm Vinh

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- Chủ vựa: họ là ai?
Lê Thành Nhân

VẤN ĐỀ THAM KHẢO

- Ngộ độc thực phẩm liên quan đến các loài 2 mảnh vỏ
QA
- Những nguyên tắc của sự phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản
Đỗ Hoàng
- 65% cơn bão đổ bộ vào miền Trung
- Mùa đông bão tìm hiểu cấp gió

KHUYẾN NGŨ

- Công tác khuyến ngư năm 1997
- Thời vụ nuôi chính của một số loài thủy sản
- Kinh nghiệm nuôi cua của một thương binh

TIN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Tóm tắt bằng tiếng Anh)

IN THIS ISSUE

- Going offshore fishing - an urgent requirement of the Industrialization and Modernization Cause of the country
Nguyễn Tan Dung
- Problems that need to be solved by the research of the marine resources
Hoang Ha
- Halong Canning Company tries to follow Uncle's Ho recommendations
Ha Long

SCIENCE AND TECHNOLOGY

- Maturation and artificial reproduction of *Pangasius pangasius*
Nguyen Tuan
- The influence of colchicine and laser He-Ne on the physiological and biochemical characteristics of *Gracilaria tenuistipitata* Liu.
Truong Van Lung, Pham Vinh

EXCHANGE OF OPINIONS

- Trading mediators - who are they?
Le Thanh Nhar

REFERENCE

- Food poisoning related to bivalve species
QA
- Principles of aquaculture sustainable development
Do Hoang
- 65% of all the typhoons go to the central part of Vietnam
- To learn about the wind level during the typhoon season

FISHERIES EXTENSION

- Fisheries extension works in 1997
- Main farming seasons of some fish species
- Farming experiences of one invalid

NEWS ON FISHERIES ACTIVITIES

TRADE UNION ACTIVITIES

DOCUMENTS

SCIENCE AND TECHNOLOGY

(Summaries)

Tòa soạn : 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại : 8 345457
Tổng biên tập : Pts. Tạ Quang Ngọc

Headquarter: 10 Nguyen Cong Hoan Road, Ba Dinh, Hanoi
Telephone: 8 345457
Editor-in-Chief : Dr. Ta Quang Ngọc

Bìa 1: • Đoàn chủ tịch phiên khai mạc Hội nghị hàng năm lần thứ 29 Hội đồng giám đốc SEAFDEC
• Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc tiếp Trưởng đoàn đại biểu Viện nghiên cứu Khoa học thủy sản Trung Quốc Tư Đồ Kiến Thông sang dự Hội thảo trao đổi kĩ thuật nuôi trồng thủy sản Việt Nam - Trung Quốc lần thứ I

Ảnh: Đỗ Đức Hạ